

THANH-NGHỊ!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU

Chủ nhiệm: VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

— Việc học thanh-niên trong khi
tấn cư.

— Bụi đất kinh.

— Điều tra nhỏ : Đây, Bắc-liêu.

— Ngồi trong cửa sổ (*truyện ngắn
của Giraudoux*)

— Mục - đích và chương - trình
truyền - bá vệ - sinh và phổ -
thông y-học ở thôn quê.

— Danh văn ngoại quốc : Phải có
một lý-tưởng.

— Cuộc tiến-hóa của nền tư bản
Âu-Tây : Chính-phủ can-thiệp
vào kinh-tế.

— Những bước đi ngang (*truyện
dài*)

— Đọc sách mới.

— Việc quốc tế.

— Đời sống Đông-dương : Việc
phân cấp gạo cho miền Bắc
Đông-dương.

VŨ ĐÌNH HÒE

NGUYỄN TUÂN

TẠ NHƯ KHUÊ

LÊ HUY VÂN dịch

NGUYỄN TRINH CÔ

PHAN QUÂN dịch

VŨ VĂN HIỀN

ĐỖ ĐỨC THU

L. H. V.

D. Đ. D.

VŨ ĐÌNH HÒE

NĂM THỨ BA: SỐ 57 — NGÀY 11 MARS 1944

BAO THANH NGHI

THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG — THU NHẬP TÀI LIỆU ĐỂ GÓP VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA DÂN TỘC VIỆT-NAM — PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ THUẬT CHÂN CHÍNH.

Trong số 18 Mars 1944

- | | |
|--|-----------------|
| — Việc phải làm | Vũ Văn Hiền |
| — Tư tưởng xã hội học hiện đại | A. A. |
| — Nghiên cứu về Nguyễn Du và truyện Kiều | Đinh gia Trinh |
| — Chương-trình và phương pháp dạy lớp Cao đẳng binh dân : | Vũ đình Hoè |
| — Lũng-hoàng-Khơ, nguyên văn của Đào hành Tri | Vô-Tâm dịch |
| — Bụi đất Kinh. | Nguyễn Tuấn |
| — Mục đích và chương trình truyền bá vệ sinh và phổ thông y học ở thôn quê (bài nổi). | Nguyễn trinh Cơ |
| — Chút ít tài liệu về tiểu sử tác giả Thu dạ lữ hoài ngâm : Ông Đinh-nhật-Thận (1815-1866) | Nguyễn tài Chất |
| — Những bước đi ngang. | Đỗ đức Thu |

THANH NGHI TUNG THU'

TRONG NĂM 1944 SẼ XUẤT BẢN ;

- | | |
|--|----------------|
| — Cuộc tiến-hóa của nền tư-bản Âu-Tây | VŨ VĂN HIỀN |
| — Những phương-pháp giáo-dục ở nước ngoài và vấn đề giáo dục ở nước ta | VŨ ĐÌNH HÒE |
| — Xã-hội Việt-Nam từ thế-kỷ thứ XVII | NG. TRỌNG PHẤN |
| — Hiến-pháp Trung-Hoa | PHAN ANH |
| — Tổ-chức kinh-tế ở mấy nước độc-tài | ĐỖ ĐỨC DỤC |
| — Văn-phẩm và văn-ngệ | ĐINH GIA TRINH |
| — Triết-học Trung-Hoa | ĐẶNG THÁI MAI |

XIN CHÚ Ý. — Các bạn nhận mua năm báo Thanh-Nghị trong ba-tháng Mars, April, Mai 1944 sẽ được biếu một trong những cuốn sách trên.

VỀ 14 SỐ T. N. CŨ IN LẠI

Công việc in đã bắt đầu tiếp tục bằng nhà in riêng của T. N. Chừng vài tháng nữa thì xong. Xin các bạn đã đặt mua có nán chờ trông ít lâu.

Việc học thanh-niên TRONG KHI TAN CỤ'

VU DINH HOE

Sau những trận ném bom ở Hanoi, cùng với lệnh tản cư cho dân thành phố, chính phủ đã thi hành việc thiên các trường học về các nơi yên ổn hơn. Không kể các trường Pháp, các trường tiểu học ở Hanoi đã mang về các vùng quê ở miền Đại Lý Hoà-hong, các trường cao đẳng tiểu học và trung học Đông Pháp chia ra về các tỉnh Hà Đông, Ninh Bình, Thanh Hóa. Cả mấy trường tự lớn, gồm một số học sinh ít ra cũng bằng số học sinh trường nhà nước, cũng đã dọn về Hà Đông, Hưng Yên, Thái Bình.

Song tất cả những trường đã di cư ấy tất nhiên không thể nào được hết tổng số học sinh xưa kia theo học học, vì nơi dạy chật hẹp, hoặc vì phải tản cư gia đình không chịu nổi món phí tiền gửi con đi học ở nơi xa, hoặc vì nhà trường không có kỹ túc xá hay là có nhưng không đủ chỗ để nhận hết số cựu học sinh.

Trong số thanh niên rời tạm thời học có bọn gia đình có thể lo liệu lấy việc học hành cho chúng, ấy là bọn trẻ nhỏ, từ lớp dự bị hoặc sơ đẳng giở xuống, có bọn mà sự thôi học sớm quá càng không đáng quan ngại, ấy là bọn con gái; chúng sẽ tập công việc trồng nhai vì giúp đỡ người mẹ. Chỉ bọn thanh niên phải tạm thời học đang gây một mối lo lắng cho gia đình là bọn con trai từ 10 đến 20 tuổi, học các lớp nhất nhì bậc tiểu học, hoặc các lớp cao đẳng-tiểu học và trung học. Sự rối việc và được hưởng bổng sẽ nguy hiểm cho những bộ óc non nớt, dễ bằng bột, như mìn nháy nháy là vào một lúc mà tâm trí đang bị hoảng mang vì những chuyện thay đổi đột ngột ở xung quanh.

Mối lo lắng của một số gia đình sẽ thành mối lo chung của Đoàn thanh niên nói ở trên cứ nhiều dần mãi lên.

Phải tìm một phương sách gì để huấn luyện và làm định hướng về cái bọn thanh niên này và, có lẽ trong một thời gian gần đây, tất cả thanh niên vào chạc tuổi ấy, đó là một vấn đề quan trọng cần phải giải quyết gấp.

Bên Pháp sau hồi tháng chín 1940, cũng có một số rất đông thanh niên phải nghỉ học và được thả lỏng của hàng triệu gia đình chạy nạn. Vì vậy một tổ chức dựng lên rất gấp để thu nạp và huấn luyện bọn thanh niên từ 16 đến 20 tuổi. Đó là những Đoàn thanh-niên « Bạo-Dường »

(les Compagnons de France). Người chủ trương là một viên thanh tra Tài-chính trẻ tuổi, ông Henri Dhavernas am hiểu tình hình chủ nghĩa và phương pháp Hướng đạo. Ông đứng ra hù hào cổ động, được nhiều đồng chí hưởng ứng và chính phủ giúp sức. Những «đoàn thanh niên bạn đường» lập nên rất nhanh, họp thành những đội, những đoàn, những đạo u. v. tên có khác nhưng lối tổ chức thì cũng giống như lối tổ chức Hướng đạo. Cả lý tưởng cũng phải như lý tưởng Hướng đạo; trọng danh dự: làm việc, giúp ích một người và phụng sự tổ quốc. Phương pháp huấn luyện, là rèn luyện thân thể cường tráng, tâm hồn rắn rỏi, sống trong tập thể và tập một nghề thủ công.

Thanh niên trước khi được nhận hẳn vào đoàn và tuyên thệ hứa phải qua một Thời kỳ tập sự từ 1 đến 3 tháng. Đời sống ở trại về mùa hè và trong những khu nhà riêng về mùa đông. Lối sống ấy áp dụng cho những thanh niên xa nhà. Còn có những đoàn lập riêng cho những thanh niên ở gần gia đình: những đoàn-sinh này vẫn sống ở trong nhà và chỉ đến đoàn trong những buổi tập, những buổi họp và những buổi đi cắm trại. Chương trình học tập có một phần gồm thể-dục đức dục (trong đức dục, người ta chú ý đến sự gọi lòng yêu nước) và một phần làm việc bằng chân tay, đại để những việc sửa sang đường lối, cống rãnh của làng hay những việc đồng áng..., nghĩa là những công việc thiết thực và hữu ích...

Trong nhiều đoàn có ban âm nhạc, ban diễn kịch, ban ca vũ, và người ta xuất bản mấy tờ báo riêng, để gây sự liên lạc tinh thần giữa các đoàn.

Ở Đông-dương số thanh-niên phải nghỉ học hiện chưa đến nổi nhiều quá.

Song vấn-đề huấn luyện và thu dụng bọn thanh-niên ấy cần được bàn bạc gấp ngay từ giờ

Nguyên tắc và phương pháp huấn luyện tất phải phỏng theo lối huấn luyện đã được kinh-nghiệm của những thanh-niên đoàn ở các nước mà thí dụ rõ rệt nhất, vì trường hợp cũng tương tự như nhau, là những đoàn thanh-niên «Bạn đường» của Pháp nói ở trên. Việc thực hành tất phải thích nghi với tình thế riêng và những phương tiện eo hẹp của xứ mình.

Mục đích huấn luyện này là: 1) gây cho bọn thanh-niên tâm trí đang bị hoang mang ấy một lý tưởng đề phụng-sự, nghĩa là trọng danh-dự chung, tuân theo một kỷ luật nghiêm khắc, và biết thi hành một mệnh lệnh. 3) luyện cho họ sự hoạt động về thực tế: sống ở ngoài giới, vận động bằng chân tay nhiều và làm quen với công việc đồng áng là cái nghề căn bản của nước mình. Đó lại là một lối thể-dục có thêm cái lợi thiết thực.

Phần trí-dục theo chương trình họ vẫn theo ở trường tất nhiên phải hi-sinh vì việc dạy dỗ này cần đến những giáo-sư chuyên môn, và học-cụ cần-thiết.

Việc tổ chức chỉ nên và cũng chỉ có thể trông vào cái tổ-chức thanh-niên duy nhất ở xứ ta có cơ sở vững vàng, có kinh-nghiệm và có hiệu quả. Đó là Liên-đoàn Hướng-đạo Đông-dương. Thiết tưởng những người quản đốc phụng trào ấy nên nhấn cơ-hội này mà mở rộng phạm vi hoạt động để giúp cho thanh-niên và cho Đoàn-thể một công việc sẽ có ảnh hưởng xấu xa. Tôi nói: mở rộng phạm vi hoạt động, vì bọn thanh-niên nói ở trên tất nhiên không thể nhất đán được coi như những Hướng-đạo-sinh chính-thức và phương pháp cùng chương trình huấn luyện hẳn cũng phải thay đổi cho thích hợp với tìn tuế, thích hợp với bọn trẻ chưa bao giờ được theo lối tổ chức này. Mở rộng phạm vi hoạt động để nhận cả sự cộng tác của những đồng chí tuy xưa nay không phải là huynh trưởng hướng đạo nhưng có đủ bảo đảm về tư cách và sức làm việc. Một công cuộc như thế tất phải nhờ và sẽ được kinh-phủ phù trợ vì việc huấn luyện thanh-niên ai chẳng thấy bấy lâu nay vẫn được các nhà đương chức Đông-dương đặc biệt chăm lo.

Vũ đình Hòe

BUI DAT KINH

NGUYỄN TUÂN

« Thuở giờ đứt nối con gió... »

Vấn tiếp về chuyện tản cư năm cũ.

Vào những ngày đó, Hà-Nội thật không có xe mà dùng cho đủ.

.Tải người. Tải đồ và nhiều khi cả hai thứ trên một chuyến xe. Xe kéo, xe xích-lô, xe đạp, xe bò, xe ô-tô — nghĩa là các thứ xe — đều là cần cả trong lúc phải bỏ tỉnh mà đi.

.Đổi vì thế. Nên mới có chuyến phu xe. Tôi hãy bắt đầu bằng cái xe tay. Sau ngày ném bom Hà Nội, giá xe tay vọt hẳn lên.

.Tự cổ lai tới giờ, luận về đi xe tay mà người kéo cái hợm người ngồi thì chỉ có « cụ » xe xứ Huế thôi. Bây giờ « cụ » xe Hà Nội ghê bằng mấy mươi « cụ » xe Huế. Bằng một triệu. Xe Huế, Nam-giao và Lợi chợ đã mua đi.

Đáng thương là những người chạy khỏi Hà-Nội rồi mà vẫn không yên được một bề ở chỗ thôn dã. Được một vài ngày, rồi lại sốt ruột cho công việc Lỗ Lẽ, ấy thế là lại lần mò lên để ngày hôm sau lại âm thầm chạy. Có cái khác hơn lần trước là lần sau này đem được về quê thêm vài cái chân ngựa và ít quần áo nữa.

Gọi không phải người Lành lại, phi phèo diều thun lỗ lá tây, Lỗ Lẽ hể hể nhát gừng, hay cười nhip và thò dơ là năng khách, coi đui g lười và người ở đô thị này cứ như lữ tặc cả. Nhiều lúc anh đòi cao quá, giả cả đòi bên kẻo lòng, anh ta dám vô lễ dạy khách đại để như thế này : « Thôi, ông nên đi bộ đi thôi. » Vậy mà, cái đàn trưởng gia cứ xưng xưng lên là chỉ có bọn có chữ là chưa khinh thế ngạo vật.

Tôi đã được trông thấy lần nhà thuê xe tay kéo về quê mà họ làm giá cứ như là nhà họ, lúc đã lên xe rồi họ còn gở Lỗ Lẽ cút g nọ tại kia. Như ng nhà thôi, nhiều người để nhà chạy áy nhà. Và cả cứ gì là Lạc Cái trong phu mới có lúc đặc chí. O dói này, không Lao giờ đi học đặc chí, cô lẽ chỉ có rợ lệ sĩ,

Ngồi làm xe kiếm được nhiều tiền quá đã trở nên một tưng hạp. Anh xe ở đầu luồn mũi người. Nói đến anh, người ta có lúc làm cò đề như kẻ thanh Bạch gặp cảnh nghịch phải nhờ vả tên tuổi bác phủ thương mỗi lúc nhắc tới. Tôi đã được trông thấy những bác xe xích-lô đủ tiền lỗ để trả lại giấy một trăm của khách đi đêm trong phố. Ôi, còn đâu cái thời xưa, đi từ chợ Đồng-xuân ra Bờ Hồ !

Tôi còn nhớ mãi cái buổi tối hôm 17-4-43 tức là sau trận ném bom lần thứ hai hai ngày Tôi đi với một người bạn vào một hiệu cơm tây — số đông chủ cao lâu ta và lâu đông cửa chạy hết. Cơm tây, khăn ăn không có. Hỏi người bồi kêu thợ giặt, chạy loạn chưa trả về trả đồ đưa giặt nên không có khăn ăn. Được. Đến món ăn thì lại quá. Hỏi, lại vẫn người bồi ấy trả lời. Những lần này thì y dám thêm thêm vào một chút cười : « Thưa ngài,

. Chúng tôi không có được thế này đã là quý lắm rồi. Ngài phần lòng cho vậy. » Ban tối và tôi nhìn nhau, miếng ăn choi vơi ở khoảng ngực. Và thầm hiểu, với nhau rằng cái buổi này quyền ăn mạnh nói. Nhứt là lại nhường cho người xe và người bồi, không ăn được, tôi dành ngồi nhìn người khác ăn, hạ tầm mắt vào một vị thực khách trước mặt, mặc ta mà không đội lặn. Mặt tôi tối, trông quen quen mà không phớt rõ là ở đâu. Ông ta ăn uống rất vụng về mà lại rất ngon lành. Bóng dáng vị thực khách đó ám ảnh tôi làm tôi Lỗ quên cơm của tôi. Một lúc sau người đó tiến nhanh, đến gần tôi :

« Ông cho cháu chám rờ đĩa thuốc lá. »

Thôi, tôi nhớ ra rồi. Nghĩ mãi mà không ra bây giờ ông ta nói lên một cái, tôi nhận được anh thanh thì tôi biết là ai rồi, Ra đây là một ông xe xích-lô, buổi sớm qua ông vừa đạp một bà cụ quen tôi ở làng Cai chạy về Nam-dinh, . . .

Hôm nay chắc ông nghỉ xe, có điều hi hi há trong người đi ăn cơm tây cho nó vui miệng. Tôi liền hỏi: . . . đánh bạc hết ở Nam-định hay còn mang được về Hà-nội để hát và uống rượu với các bác ấy. » Bác ta bấy giờ cũng mới nhận ra tôi, vội chào và vội về trả lời:

— « Lạy tồ, hôm qua chuyển về, vét khách ở giọc đường, thế mà cháu còn kiếm thêm được . . . , . . . Hôm nay khó ở, cháu không làm, để cho người anh em làm, thuê bác ta, trả lấy, và đưa ngoài chợ chục bạc để tiêu. Ấy, chục bạc là cánh nầu mấy nhau mới đưa cho nhau mượn xe làm. Giờ làm gì có nhiều xe, mà xích-lô thì có mấy. Ấy chúng cháu cứ phải cựa trước cửa chủ . . . , lấy xe đóng thuế luôn mấy ngày liền, sau lớp hỏng mua lấy. Ấy, được mấy ngày nay kiếm cũng khá. Nhưng ông tính. Làm gì có luôn ».

Thế rồi bác xích-lô chào đi ra, nghênh ngang như một người gặp thời đề mà hiển. Rồi mà hách cung chưa biết chừng. Tôi trong theo, trong đau, làm một cái tính. Không rõ trong các bạn viết của tôi, giờ có ai mỗi ngày có ai viết liền liền được sáu cái truyện ngắn trong một ngày — mà cái nào cũng ngộ — cả không nhỉ! » Kìa đường, ý tưởng này vẫn còn theo tôi và tôi đã nhớ đến một bài của ông báo trình Nhật học thuật báo Tàu nói rằng ở bên Trung quốc ngày nay một người viết văn giá văn cao nhất tính theo con chữ thì 10\$ một ngàn con chữ Hán; một người thợ xếp được một ngàn con chữ Hán cũng ăn 10\$; và một người pùn xe thì cũng trong lấy nhiều thời khác kiếm 66\$ nghĩa là kiếm ra tiền gấp sáu lần.

Bạn tôi, cũng tính hay đưa, lúc làm cả người xe đang đứng trả trả, liền klẽ rút cây bút máy Parker kiểu lớn ra nghịch xo xánh với cái cang xe và nói nhỏ vào tai tôi bằng ngoại ngữ:

« Cái này xinh đẹp nhưng giới đất này không khỏe chắc bằng cây gỗ tròn kia. »

Giữa lúc ấy, một cái xe tay chở khách qua, trên có cả một người đàn ông trẻ và một người đàn bà trẻ ngồi. Ngày xưa mà thế này thì cười lắm đây Nhưng bây giờ cũng không ai buồn cười buồn nói nữa.

NGUYỄN TUẤN

THỜI ĐẠI XUẤT BẢN CỤC

Xuất bản những sách có tính cách giáo dục
= và có giá trị đặc biệt về văn chương =
TỔNG PHÁT HÀNH SÁCH VÀ BÁO CHÍ
= 214, Hàng Bông — HANOI =

ĐÃ CÓ BÁN

VANG BÔNG MỘT THỜI

Văn phẩm đặc sắc nhất của NGUYỄN-TUẤN
Ấn bản nhất định — Sách in hai màu
Hai tranh phụ bản của NGUYỄN-ĐO-CUNG

Giá bán:

- Loại thường.. .. 5\$00
- Loại dó lựa.. .. 20,00
- Loại vergé 30,00

ĐÃ XUẤT BẢN:

TRAI NƯỚC NAM LÀM GÌ

của HOÀNG-ĐẠO-THUY.. .. (hết)

TRUYỆN CỔ NƯỚC NAM

của Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGỌC (hết)

ĐỐN BẢN 'CHÈO CỔ của nhạc sĩ

NGUYỄN XUÂN KHOÁT.. .. (mỗi bản 0\$20)

SẼ XUẤT BẢN:

HƠI THƠ TÀN (Nguyễn Hồng)

CỔ HỌC TIỂU FCA (Nguyễn Văn Ngọc)

Ả Q CHÍNH TIỂU TÂM (Đặng Thái Mai dịch)

NGÂM NGẢI TIỂU TRẦN (Thanh Tịnh)

LA SƠN PHU TỬ (Hoàng xuân Hân)

NGUYỄN (Nguyễn Tuấn)

GỬI HƯƠNG CHO GIÓ — TRƯỜNG CA

và PHẦN THÔNG VÀNG (Xuân Diệu)

ĐÂY, BẮC LIÊU

TA NHƯ KHUÊ

*Bạc-liêu là xứ quê mùa
Đời sống cá chốt, trên bờ Triều châu.*

Tôi đã tới cái xứ quê mùa đó, vào một đêm về cuối mùa mưa. Đường đi, từ Saigon xuống, ngót 300 cây số, qua Mytho, Cơnthor, Soctrang; xe hơi chạy mất chừng 8 giờ đồng hồ, bữa đó vì phải chờ khá lâu tại bến Mỹ-thuận nên khởi hành hồi 5h30 chiều mà đến 3 giờ sáng mới tới. Máy phố lớn gầu bến xe, chạy giọt theo mé sông, cồn ngủ im lìm trong một bầu không khí mát dưới gần như lạnh lẽo. Cảnh tượng vẫn một màu sắc Nam Kỳ với những chiếc xe lôi cực mịn, những chiếc xe kéo cao lêu nghêu, chật hẹp và dài cằng, và đàng xa trên sông thấp thoáng vài ba chiếc ghe hầu và ghe lưỡng.

Chính tỉnh lỵ không có gì là lớn. Vên vên chỉ có vài dãy phố quanh chợ và bên sông là vui vẻ, tấp nập. Tất cả có lẽ chỉ bằng một khu chợ Gạo Hà Nội. Nhưng nhờ trong xứ sở lúa sản xuất nhiều, đường giao thông lại tiện lợi nên đã thành một trung tâm điếm kinh tế rất hoạt động. Tuy vậy nếu ta nhìn lên bản đồ toàn tỉnh thì ta nhận thấy rằng châu thành Bacliêu nằm ở xéo góc đông-bắc, sát biển, chứ không đứng giữa tỉnh ;

Dù sao, đừng tưởng rằng châu thành Bacliêu buồn tẻ như những tỉnh nhỏ ngoài Bắc mình. Trái lại Bacliêu là một đất ăn chơi. Trong châu thành có tới 3 rạp chiếu bóng và một rạp hát lớn nguy nga hơn những rạp hát Hà thành nhiều. Nhà cửa cho thuê hiếm và không được lịch sự, nhưng ở bên kia sông về phía nhà thờ, có nhiều villa mới xây của mấy vị điển chủ coi cũng đẹp mắt. Chợ lập giáp sông, không đồ sộ như chợ Bến thành Saigon không rộng rãi như chợ Đồng Xuân Hanoi, nhưng tươi sáng sạch sẽ hơn. Tết đến, trong mấy ngày chợ đêm, ghe ở các vùng lân cận chở những hàng lên bán tấp nập ồn ào không kém gì những thành phố lớn.

Nói đến giá sinh hoạt thì phải công nhận rằng trong thời kỳ chiến tranh, Bacliêu cũng như phần nhiều các tỉnh nhỏ khác ở Nam Kỳ là một nơi tiêu thần tiên. Không phải là dân ở châu thành không phải chịu nhiều điều hạn chế về sự tiêu thụ, nhưng những thực phẩm tối cấp như gạo, than, thịt, mỡ giá tuy có đắt hơn trước nhưng của để chịu hơn mọi nơi khác. Tôi chép đây giá các sản phẩm tối thiểu của một gia đình công chức vào hạng trung lưu, gồm có hai vợ chồng, hai đứa con và một người ở, để các bạn đọc giả có một ý kiến về giá sinh hoạt hiện thời ở Bacliêu.

Tiền nhà :	16\$00
Gạo (168 kgs) :	8. 00
Chợ : một tạ 68kg :	30. 00
Quả sáng :	6. 00
Than (một tạ) :	3. 40
Thợ giặt :	2. 50
Sà phòng (một cân) :	1. 50
Mắm muối :	2. 60
Đèn :	3. 00
Đứa ở :	7. 00

80\$00

Nhưng ở Bacliêu có hai cái nạn : một là hạn muối, hai là nạn nước.

Đầu và cuối mùa mưa là muối. Chính ở châu thành thì thỉnh thoảng ta mới thấy chúng bay lừng đần tạt vào mặt mày chân tay, bay bám đầy trên nhà, đầy vách ; tuy vậy, vì có nhiều cửa sổ, nhiều lạch nên ít nhà không có muối, mà số muối độc rất lắm, nên có khi người ta phải ăn trong màn, làm việc trong màn.

Cái nạn thứ hai là nạn nước. Ở Nam Kỳ có hai mùa, mùa mưa thường từ tháng sáu tây cho đến tháng mười tây, mùa nắng từ tháng chạp tây đến tháng năm tây. Khắp miền Hậu giang, sông toàn nước mận nên đến mùa nắng là thiếu nước ngọt.

Tại châu thành Bạc Liêu, ngoài những bể trữ nước mưa dành cho các công chức đáng, nhà nước có tập một cái bể công cộng cho công chúng, nhưng từ bể chứa

đền nhà các tư gia, phải mượn người gánh, Từ 1934 ở châu thành Bạc Liêu và Camau đã có máy bơm có giờ. Dù sao phần đông dân chúng vẫn ưa dùng nước mưa làm nước ăn cho là lành hơn nước máy. Nền nhà nào cũng có những lu lớn (kêu là mái) trữ nước mưa, nhà năm mươi cái, nhà hàng chục, để đầy sắn, đầy bắp; tuy vậy đâu có đủ dùng trong cả vụ nắng.

Ngoài nạn muỗi, nạn nước, dân Bạc Liêu được hưởng một khí hậu mát mẻ tốt lành, có phần dễ chịu hơn ở Saigon.

*

Theo bảng thống kê năm 1938, dân số toàn tỉnh có 250.000 người, vậy trung bình cứ mỗi cây số vuông mới có 34 người (1). Phần đông là khách trú Triều Châu hoặc đã hoàn toàn Việt-hóa, hoặc còn giữ hân gốc (2). Ngoài ra có chừng 30.000 người Cao Mên, thường ở đây kêu là dân 'Thồ', toàn là làm-ruộng cả. Nhưng dù là Triều Châu, dù là Thồ, người nào cũng biết dùng và hay dùng tiếng Việt cả, mới biết cái thế lực của tiếng mình trên xứ Đông Dương này

Dân Bạc Liêu rất ít, phần nhiều là các công-chức; số người buôn bán không được đông đảo như ở Cần thơ, Saigon; trong châu thành tính ra chỉ có dăm ba cửa hàng thường thường của người Bắc thời.

Họat động nhất là bọn khách trú. Họ làm đủ nghề, giồng rau, giồng trái, làm ruộng nhưng đại đa số buôn bán và nhất là buôn thóc. Họ có ghe xuồng để trữ lúa, có tránh để trữ lúa. có nhà máy

(1) Trung châu Bắc kỳ : 400 người.

(2) Cđ theo cuốn thống kê từng tỉnh Đông Pháp làm từ năm 1924 thì Bạc Liêu là một trong những tỉnh Nam kỳ có nhiều khách trú nhất. Thực vậy, tại Cholon có 98.000 khách trú và 9.800 mình hương, tổng số 400.000 người; Bạc Liêu đứng hàng thứ 11 với 4.300 khách trú và 41.000 mình hương tổng số 180.000 người. Nhưng biết bao nhiêu người, hiện được coi như người Việt mà chính ông cha trước kia là khách trú hay mình hương. Cái hiện tượng Việt-hóa ấy không phải riêng ở đất Bạc Liêu mới có, nhưng hẳn là rõ rệt hơn đâu hết.

xay gạo, có tiệm ngành ợ khắp vùng để trực tiếp với các tiểu điền chủ, các tá điền. Vẫn một phương pháp kinh-tế mà ta thấy họ thực hành tại khắp Nam-kỳ, là ở xen với dân bản xứ để gây tin nhiệm, bán chịu ứng tiền để mua thóc rẻ, đoàn kết với nhau để giữ giá.

Số ruộng tại Bạc Liêu không nhất định, khi tăng khi giảm, vì thường bị thất mùa, nhưng điền chủ nào ngăn vốn đành phải bỏ. Số xuất-sản cũng thất thường và không hẳn cùng một dịp với số ruộng: . . . Số xuất-giảng tất nhiên cũng không được nhất định;

Tại những miệt Vĩnh châu, Vĩnh trạch, Vĩnh lợi, Long điền, An trạch, toàn đất « giồng » đất cũ, ít mất mùa hơn những vùng đất mới ở phía Nam. Số xuất sản mỗi mẫu tây thường được từ 20 gạ cho tới 150 gạ lúa, tính trung bình là mỗi mẫu tây, nếu trúng mùa, thường được 45 gạ (4).

Phần đông những ruộng đất là đất công nghiệp

. Bạc Liêu cũng như các xứ còn mới, giữ chế độ đại tư điền. 65, 5% đất ruộng ở trong tay những điền chủ có 50 mẫu tây; một ít đại điền chủ có hàng ngàn mẫu.

Vì số xuất sản gạo rất lớn nên kỹ nghệ xay gạo được mở mang. Trước hồi chiến tranh, kẻ có đến 30 nhà máy xay gạo nhiều là do khách trú tập ra,

Nhưng gần đây vì thiếu đầu nhót đã bớt sức xuất sản. Tại tỉnh lỵ người ta đã cất một nhà máy rượu lớn

Ngoài sự làm ruộng, người ta cũng có giồng rau và hoa quả nhất là ở miệt biển gần tỉnh-lỵ. Từ năm 1942 người ta đã bắt đầu giồng bông. . .

Bạc Liêu còn có những khu rừng tràm và dả Vì thế mà trước hồi chiến tranh đã có 5 nhà máy cưa, 700 lò than Lại có những ruộng muối rộng

. Những nhà làm nước mắm, và cá khô chuồng muối Bạc Liêu hơn muối Baria và muối Trung kỳ.

Nghề đánh cá không được khả quan lắm. người ta mang bán tại Saigon, Cholon cả khô và tôm khô. Sự chăn nuôi (Xem tiếp trang 20)

(4) Mỗi gạ là 20 kilos.

NGOI TRONG CỬA SỔ

TRUYỆN NGẮN CỦA GIRAUDOUX

== LÊ HUY VĂN dịch ==

IV

Lão Vore chết hôm qua, lúc đang ngủ, nhẹ nhàng đến nỗi không ai dám đánh thức. Nhưng, chẳng ai cho phép tôi đi đưa đám nên tôi hôn rồi

Tôi chẳng trông thấy người ốm lại hôn rồi để đến thế vì lúc lúc lại có bàn tay thù nghịch mang thuốc đến, kẻ lại gối, hấp nóng bông một cách hiền lành, vì mỗi tiếng tách động, mỗi cử chỉ là một vết ve. Tôi nhăm. Ngủ đầu, tôi che cả cha mẹ tôi với mẹ Urbaine; tôi lừ lừ nhìn họ làm cho họ lúng túng; họ đi, họ ngồi, họ giả cách để ý vào ngọn lửa, vào cái kê cũi, vào cái gắp than. Nhưng có lẽ họ hôn rồi cả người, họ cử chỉ mạnh mẽ, họ có những vẻ êm ái khó hiểu. Mắt họ nhìn thẳng quá, họ đập gối quá mạnh. Tôi ẩn trong chăn, chỉ cần nhắm mắt là đủ ra dáng tự-nhiên, vô tình.

Tôi hôn; nhưng không phải như ngày xưa, hôn mà vẫn có chút hối làm cho sự hôn rồi lâu lại, khó chịu. Lần này thì vì hôn mà cử chỉ, tư-tưởng thêm dễ-dàng cũng như ngón tay cái bị thương đội chiếc bông quăn, làm cho cử-chỉ phải dần-dì thêm. Ngày của tôi, ngày của tôi chảy như con sông không đảo, không bờ. Tôi chẳng thiết đến những việc xảy ra; những việc đó ngày xưa có thể cắt quãng đời tôi, như vào những lúc mất thì giờ khi họ ru hay mất đề khẩu. Và tôi biết những việc đó hướng về chiều nào rồi. Tôi chẳng thiết Urbaine, chẳng thiết cả những cái dính dáng đến mẹ, gió mà mẹ phải đóng cửa ngăn không cho vào, vụ cháy trại ngựa ngọt giữa rừng thông. Người ta chẳng biết lũ dê có bị cháy không,

Có lúc có một bà tôi chơi, không biết rằng chúng tôi giận nhau cứ ngồi nói và làm chúng tôi bất buộc lại phải hòa hợp mỗi lần bà ta nói một câu hay liếc mắt một cái: bà ta bán đầu tây, sặc sụa mùi pho mát trắng. Một cô khâu đâm lấy tay khê gõ vào giường tôi nằm như muốn khâu chân cho không vện chân.

Urbaine tuyên bố: « Tâm hồn nữa thì cậu ấy khỏi ». Tôi mỉm cười vì mẹ chẳng hiểu gì cả. Đánh rằng bệnh của tôi đến rất đúng, ngày thì tắt phôi khỏi như bão, như mùa đông. Nhưng tôi có cảm giác rằng sự dưỡng bệnh của tôi có thể kéo dài mãi mãi như mùa thu trong tháng mười có đủ nghìn cơ đồ ngắc ngoải mà chẳng có một cơ đồ chết hẳn. Bệnh của tôi rồn vào một chỗ nhất định trong người; dưỡng bệnh trái lại phủ lên tôi một tấm áo quảng nhẹ nhẹ như có một mảnh lực điều hòa cho cái sắc tôi nằm trên giường, chia cho đầu gối một ít sức nóng tích trữ đã hai tháng này ở tim, lưu thông cả đến những mạch máu nhỏ nhất. Sức nóng lan cả đến tai, nóng bừng đỏ ửng, lan cả đến chân lúc này chẳng hề liệt nữa, đôi chân dính vào nhau gần sát tường bị tường đẩy ra khi khê, rồi phải rời nhau, rồi lại dính thắm nhau, những cuộc viếng thăm thật xinh xinh, thú vị. Thân tôi ép tôi như chiếc áo nịt; mắt tôi đi vào các mẫu cũ quen quen rồi mỗi một nên nhìn vào trong mí mắt đương dăm màu nhưng thắm có pha màu trắng sữa. Thân thể tôi thuộc toàn quyền tôi như thứ đồ chơi mới mua, tôi mó máy vào nó mà kinh ngạc. Bây giờ thì tôi đã nghe được tiếng tôi nói: mỗi tôi nóng đến nỗi căng da. Tôi mỉm cười.

Muốn hôn rồi thêm chút nữa, tôi cố nghĩ đến những chuyện thật buồn nhất đời. Nhưng không thể được. Ta trông ngay lúc đầu có thể nghĩ đến một chuyện buồn trong các chuyện buồn, cảm lấy nó dơ ngang mắt như một thứ cổ độc để cho mắt phải rơi lệ. Ta tự nhủ: đây là nỗi buồn to hơn mọi nỗi. Thế mà đến gần nó, ta lại chẳng nhận ra nó nữa. Ta đi qua, gần gũi giữa vẻ buồn như đứng giữa mây mù; xa xa, sương mù đầy đặc chạy lại mang theo cả một vùng không khí vô sắc. Nếu còn ảnh người chết thì khê họ làm gì: đứng trong ảnh, họ đương nhìn ta, vẻ mặt vừa khoan hòa vừa sanh sao, đeo những ca vát to

tương. Khóc làm gì những nỗi hận yêu quý nhất của ta ? Tôi nghĩ đến mấy con chim tôi đập chết, một buổi tôi nổi giận, mà tôi mỉm cười, tôi mỉm cười với ai ai may nằm trong hố, với con chó già an tại mào. Mùa xuân này, tôi phải nghĩ đến những chuyện không liên can gì đến tôi, đến những vật kuông biết đau khổ là gì. hoặc bộ quần áo rách bươm, hoặc nước sơn ở chân bàn đương cháy một ngọn lửa không ánh, hoặc con dao nhỏ đâm mất ngoài đồng gần ao, gần hàng rào, gần bóng cây lê (cây lê ấy tôi tưởng tượng bây giờ đầy đủ đương ngơ ngác giữa sỏi nhỏ, giữa đám cỏ, tưởng đến tan nát cõi lòng ra được).

*

Chiều đến vào khoảng năm giờ, khi mùi *sureau* theo gió đông bay vào buồng tôi thì chúng tôi đóng cửa sổ lại để giữ chúng suốt đêm. Người ta đặt tôi nằm một mình vì tôi hôn rồi, nhưng qua cửa ra vào mở toang, tôi nhìn rõ bóng chị tôi đóng khung trong cửa, đương dẹt những chiếc thăm do mẹ tôi bắt mỗi từ xưa. Ở ngoài, chẳng trông thấy gì; ta cảm thấy có vật chi đương rơi nhưng không biết là tuyết, là mưa hay chỉ là ban mai, hay chỉ là mây. Giờ này là giờ chẵn đêm chẳng còn dính lứu với thần thể, đương bồng trên không, êm ái với luồng gió nhẹ. Giờ này là giờ mắt nhìn mây chiếc bàn con, là giờ ta muốn hôn một người mà người đó chẳng muốn hôn ta; giờ này là giờ của những giờ bé nhỏ vì vội vàng mà chẳng chia ra từng giây. Giờ này chiếc đồng hồ mạch đập theo vui thích riêng, đúng nhịp quả tim. Khi tôi mở mắt, nhìn thấy chị tôi, một bà chị mà chẳng bao giờ tôi nói đến tên. Lúc tôi nhắm mắt, có nhiều hình ảnh diễn qua giống chị tôi như đúc. Rồi tôi chẳng nghĩ nữa để mà nghe : hạnh phúc là ở đó. Chị tôi đương nói chuyện với những người vô hình, nói với mẹ tôi, với *Urbaine*. Chị tôi mỉm cười với gương cùng ánh kính, có tiếng người giả lới.

Rồi muôn vật im như tờ, trừ quả tim tôi; rồi lời hát-trình đương đọc sột soạt, rồi gió đi qua không thấy anh đèn khe cửa chớp nếu muốn vào; nhưng khe cửa cứng nhắc như đề nói dối rằng chẳng có ai. Gió đi qua. Rồi có tiếng ngòi bút viết, dừng lại, sủa, ngân ngừ như một ý nghĩ hay như con eluét. Rồi ngọn đèn, ngọn đèn thấp sáng;

ban mai bên ngoài đột nhiên biến thành đêm; chiều hôm nay đã chết, nhân từ trong lòng ta hóa thành buồn rầu, sàn gác bồng như biển thẳm; một bóng đen êm ái đi trên mặt biển mà chẳng thụt chân, mang lại — chị của em ơi — mang lại mở tóc nhạt để em quấn quanh ngón tay; chiều đã tịch, cả lòng buồn thành chán nản. Lúc ấy em biết rằng chị sẽ chết; trong trí tôi thoảng những ý nghĩ ác-nghiệt nhưng cùn mòn chẳng đủ làm bị thương ai. Tôi đem mài chúng lên linh hồn tôi; tôi làm mà tôi vui như đem cỏ rấp sát lên lưỡi. Lưỡi chảy máu nhưng không có vết thương, không đau đớn. Ta uống máu ta tưởng như máu kẻ khác.

Đừng động đây, đừng nói ! Chị tôi đứng thẳng ở chân giường; cửa phòng đóng lại, chị tôi, cách xa mặt đất, — đất thụt xuống — cách xa tường Tường sát lại gần làm bóng chị tôi to lớn thành một lão *Vore* nữa.

Nhưng chị tôi thấp nển, bóng lên, xúm lại thành vòng tròn quanh người, chăm chú, chế nhạo; chị tôi bảo tôi thôi điếm, tôi nghịch thời vào ngón tay chị; bóng lửa làm ngón tay chị tôi trông xuất, hơi thở của tôi khiến lửa lên. Chiếc điếm cháy cả đầu chẳng mấy chốc mà tàn. Gió đi qua. Chị tôi đứng thẳng, chiếc áo có nếp bằng đá hoa dờ lấy người chị tôi nghĩ mà không nhớ rằng mắt đương nhìn tôi, nhưng mí mắt không quên, nên chốc chốc lại giờ lại vuốt ve con mắt. Lúc đó vừa thất vọng, vừa sung sướng tôi đánh cuộc, một cuộc có quan hệ đến đời tôi: nếu chị tôi động tay phải thì tôi khổ sở suốt đời; nếu chị tôi chớp mắt trước khi tôi đến hai mươi thì tôi sẽ lại ốm.

Tay, mắt chị tôi đã quyết định. Tôi sẽ sung sướng suốt đời mà tôi sẽ lại ốm đau. Tôi không biết tại sao tôi sẽ khóc nếu mắt tôi với lệ tôi đứng thẳng bằng tôi không hiểu sao tôi mỉm cười và tại sao — hơi là chị đẹp xinh của em ơi — trần nhà nhầy mưa, sụp xuống tan tành — làm nên tất, tất cả tâm thần to như mệnh mệnh, chiếc bóng mệnh in bóng và đời mắt của tôi.

*

Tiếng chuông nhà thờ kêu khe khẽ để người hấp hối không thể nghe thấy được. Những hôm
(Xem tiếp trang 19)

truyện-ba về-sinh và PHO-THONG Y-HOC

o' thon que⁽¹⁾

NGUYỄN TRINH CO

... Trong bao nhiêu năm, ngày ngày học tập trong các nhà thương, ngày ngày gần gũi những người ốm nghèo khổ, và thêm vào đấy một vài điều nhận xét đờ đẻ trong những cuộc đi chơi về vùng quê—tất cả những điều ấy đã cho chúng tôi thấy rõ được ít nhiều một vài nguyên nhân những bệnh tật luôn luôn gây nhiều các anh em dân quê, hạng người có lẽ là thiếu may mắn nhất trong xã-hội mình.

Cái địa vị của chúng tôi, cho chúng tôi được thấy rõ hơn người khác rằng một số đông—mắc vào nhiều bệnh mà đáng lẽ họ có thể tránh được—lâm vào những tai nạn mà đáng lẽ họ có thể xa được. Chỉ cần họ biết thêm một chút, hiểu thêm một chút. Chỉ cần có người dìu dắt cho họ, chỉ bảo cho họ.

Vì thế cho nên đến nay đã hơn một năm, trong « Tổng hội Sinh Viên các trường Cao-

L.T.S.— Nhiều người đã biết trong Tổng Hội Sinh viên trường Đại-học có một ban do anh em sinh viên trường Thuốc chủ-trương gọi là Ban Truyền Bá Vệ-sinh và Phổ-thông Y-học và đã làm được nhiều việc đáng chú ý.

Năm ngoái, cũng vào đạo này, ban T.B.V.S. và P.T.Y.H. có tổ chức nhiều buổi nói chuyện và vài cuộc tranh-bày tranh ảnh về Y-học và Vệ-sinh. Vì tình thế hiện thời, cái công việc đáng lẽ phải tiếp tục tại Hanoi cũng như tại nhiều tỉnh ở Bắc-kỳ đành phải tạm đình lại.

Nhưng, muốn cho công việc ấy không ngắt đoạn hẳn bạn Nguyễn-trinh-Co. lưu trú sinh-viên tại bệnh-viện Yersin Hanoi vừa là một nhân-viên của ban T.B.V.S. và P.T.Y.H., gửi đăng lên báo Thanh-Nghị mấy bài diễn văn mà chính bạn là tác-giả.

Trên đây là bài trình bày mục đích và phác-họa một chương trình của ban T.B.V.S.,

Đang» lập ra ban « T. B. V. S. và P. T. Y. H. » một công việc đáng lẽ phải có đã từ lâu hơn nữa,

*

Nói đến Vệ-sinh trước hết phải nhận xét lấy những công cuộc y-tế mà Chính-phủ Bảo-hộ đã lo liệu cho nước này.

Năm, sáu mươi năm về trước, tuy mắt ta không được trông thấy, nhưng cứ tưởng tượng cũng đủ rung mình về cái *thảm họa* gây nên bởi những bệnh nguy hiểm như bệnh dịch tả bệnh đậu mùa....

Thời ấy, các bệnh ấy tha hồ mà hoành hành, tha hồ mà hành trạng, không một sức nào ngăn cản.

Hơn thế nữa, sự ngu dốt của dân lại càng giúp cho tai họa tràn lan thêm phur việc rớt thêm đầu vào một mớ lửa đương hồng.

Nhưng, các bệnh viện được dựng lên, thuốc thang được phân phát ra dân gian, *những cảnh thảm khốc* bớt đi ít nhiều. Klốn nổi, trong công cuộc khai hóa, chính-phủ không thể chỉ lo có một việc y-tế mà thôi. Ngân sách dùng về việc ấy cũng có hạn, sức người đương những việc ấy cũng có hạn.

Trong một chỗ tối tăm, một vài bộ quần không thể soi thấu hết được các nơi cùng thẳm.

Cho nên, bởng đợc các công cuộc nhân đạo lập ra là những người ở thành thị, là những người ở lân cận các nhà thương.

Vả lại, có nhà thương đấy nhưng người ốm, có đến tất cả cho đâu. Có thuốc thang đấy nhưng có phải ai ai cũng biết mà dùng đến đâu.

Cho dầu họ biết dùng thuốc phải đờng đi nữa thì họ cũng chẳng bao giờ được nghe chỉ bảo cho họ những cách phòng thân.

Ngăn được bệnh, vẫn hơn có bệnh rồi mới đi chữa.

Tất cả những điều ấy gây nên cái tình trạng diễn ra trước mắt chúng ta ngày nay. Hiện giờ, nếu có người ăn ở đã theo đúng được phương pháp Vệ sinh thì cũng còn nhận nhận những người:

— Mà chỗ ngủ là ở bên cạnh một chuồng lợn.

— Mà nước uống là nước ao, nước hồ, và cũng rất có thể là nước ở một cái rãnh con, bên đường.

Nếu bây giờ có người ốm đau lo tìm cho phải thầy phải thuốc, thì cũng vẫn còn hàng muôn, hàng triệu người, trong vòng bệnh tật, chỉ biết có chút tàn hương và bát nước muối.

Những bệnh làm hại dân nước mình nhiều lắm nhưng tàn khốc hơn cả, vì nó làm nguyên nhân cho tất cả, là bệnh tối tăm mê muội.

Một đôi khi chúng tôi đã buồn rầu hết sức khi thấy anh em dân quê thân nhiên sống trong cảnh mê muội... thân nhiên đem thân mình hiến cho tai họa và bệnh tật, lòng ngây dại như những đứa trẻ thơ.

O xứ này, các nhà thương còn phải lập ra nhiều hơn nữa; các thuốc thang chữa bệnh nhất là phòng bệnh, còn phải phổ cập dân quê hơn nữa.

Công việc ấy càng đáng đã có chính-phủ và trách nhiệm cũng về chính-phủ.

Nhưng, muốn cho các nhà thương ấy, các thuốc thang ấy — dầu rằng nhiều hay ít — có hiệu lực sâu xa hơn đối với dân quê, một công việc cần thiết là phải chỉ dẫn cho họ biết lấy mà dùng.

Chúng ta đem đến cho một người dốt nát không biết chữ một chồng sách quý rồi chúng ta bảo người ấy đọc đi và hiểu đi. Nếu ta quên khuấy việc giầy cho họ biết chữ đã, nếu ta không chỉ dẫn rõ ràng cho người ấy những đoạn sách khó thì ta có thể tin rằng sau lưng chúng ta và có khi cả trước mặt chúng ta nữa, người ấy sẽ không ngần ngại gì mà không đem chồng sách quý của ta đi đun vào bếp.

Muốn cho anh em dân quê được sống một đời vật chất vững vàng hơn; muốn tránh cho họ khỏi phải là những miếng mồi dễ dàng và khờ dại của bệnh tật, nói tóm lại muốn cho họ hưởng lấy một chút ít lợi ích của khoa học, của văn minh, phận sự của những kẻ đã hiểu biết được đôi chút là phải chỉ dẫn cho họ, là phải bảo ban cho họ những điều nên tránh, những việc nên làm.

Phải cho họ biết rằng :

a) Muốn khỏi mắc bệnh, phải ăn ở cho có vệ sinh.

b) Và lúc đã mắc bệnh, không nên chạy chữa một cách quàng xiên.

Nói một cách khác hai điều cốt yếu trong công việc phải làm :

a) Một là truyền bá vệ sinh trong dân quê.

b) Hai là phổ thông cho họ những điều thường thức về y-học.

Nói đến Vệ sinh thì dân tộc ta có thể là một trong những dân tộc thua kém nhất.

Một vài người ngoại quốc khi qua xứ mình nói rằng dân Việt-Nam không có lấy một chút ít vệ sinh. Cũng có đôi chút quá đáng trong lời ấy, cái lỗi tất nhiên phải có khi nghĩ tới ta muốn bao trùm cả một dân tộc cả một xứ sở bằng một câu nói còn con.

Nhời bình phẩm tuy không đúng cho tất cả, nhưng lấy phần đông mà nói thì là một điều ta không thể chối cãi được.

Mấy ngàn năm sống dưới những thành kiến, những hủ tục cứ mỗi thế kỷ càng chồng chất mãi lên, càng thấm sâu mãi vào, người dân quê Việt Nam hình như quên hẳn mình có một thân thể phải chăm nom đến, có một sức khỏe phải giữ gìn luôn.

Họ sống bừa bãi, cầu thả, lấy hai chữ mệnh số để tự an ủi mình trong những tai họa mà nguyên nhân phần nhiều chỉ là ở sự tối tăm ngu muội.

Tình cảnh ấy không làm cho ta ngạc nhiên khi ta nhớ lại rằng chẳng xa gì chúng ta lắm — chỉ hai ba mươi năm thôi — cái hạng người cầm cân nảy mực ở xã-hội mình — tôi muốn nói các nhà nho

— phải dùng cũng chẳng treo được một lần gương sáng lòng gì về cách giữ mình và phòng bệnh.

Nói đến nhà nhỏ, ta nhớ ngay đến cái hình dáng quen quen của một người gầy gò mảnh khảnh với những móng tây giải quá một gang, với trên đầu một nạm tóc, cứ hàng ba, bốn tháng mới tự hạ xuống làm quen với nước.

Hiều Khổng giáo một cách hẹp hòi, khinh miệt tất cả những gì không phải là tinh thần, là triết lý, họ là những người cố nủ chặt lấy những tục lệ tự ngàn xưa.

Cho nên, nếu ở thành thị, *tân học* đã thay đổi cách sinh hoạt được ít nhiều thì ở thôn quê, nơi mà mang quyền sách đến nhà trường là một điều may mắn chỉ dành cho những người khá giả, đời sống vẫn là đời sống rập theo khuôn mẫu ngày trước, không một mảy may thay đổi,

*

Họ muốn dựng một ngôi nhà ở ? Họ chẳng cần tìm một chỗ cao ráo, chẳng cần có gió và ánh sáng lọt vào. Hướng nhà sẽ theo nhời một thầy địa lý có học hay không có học cũng chẳng cần. Kiến trúc ngôi nhà là theo kiến trúc cửa ông cha. Chỗ ngủ sẽ có thể ở bên cạnh, một chuồng lợn bốn mặt sẽ bị kín lại, chừa một lỗ nhỏ mà họ gọi, là cái cửa thông sang những gian nhà khác.

Ở những chỗ ẩm thấp, tối tăm như một cái hang cùng ấy, người ta sẽ ăn ở, sẽ sinh con đẻ cái kế tiếp đời này đến đời khác, truyền lẫn cho nhau những bệnh tật nguy hiểm mà đứng đầu tất cả là bệnh ho lao.

Về ăn uống lại càng tai hại hơn nữa.

Ta hãy xa thành thị về bất cứ một vùng quê nào và đề ý đến cái giếng nước ăn của làng.

Ở những cái giếng mà hình thù và màu nước không khác gì những cái ao, ta sẽ thấy những người đem thùng đến, dầm cả hai chân xuống dưới nước, tuy rằng họ vừa lội qua một quãng đường lầy những bùn lầy với phân bò.

Nước ấy đem về họ sẽ uống không đun sôi và cũng không lọc lại.

Tôi còn nhớ một hôm đi chơi về vùng quê, chúng tôi vào một cái quán định mua vài bát nước. Bà láng nhà nấp âm thấy chỉ còn một tí gạo và ít bã chè, bảo chúng tôi ngồi chờ. Rồi bà cầm cái gạo, thả nhiên ra sau nhà vực gạo

xuống ao mang nước đổ vào bát, không hề một lúc nào tỏ ra có ý giấu diếm chúng tôi hình như công việc ấy đối với bà đã rất thông đi rồi.

Uống những nước ấy — mà những việc như thế là thường làm ở thôn quê — uống những nước ấy có khác gì tự đem mình hiến cho những bệnh dịch tả và thương hàn, khi các bệnh ấy hoành hành.

Vào quãng năm 1906-1907, tỉnh lỵ Moncay bị tai hại về thương hàn.

Ông Seguin, người được cử đi điều tra về dịch ấy, đã tìm thấy rất nhiều vì trùng thuộc hàn trong nước sông chảy qua hai dãy phố Moncay. Ông kết luận rằng không nên lấy làm lạ vì bao nhiêu rác bẩn, bao nhiêu vật dơ uế đều đổ cả vào nước sông mà chính dân tỉnh lỵ để tự nhiên như thế đem về làm nước ăn, nước uống.

« Đói thì ăn, khát thì uống » một câu mà người ta thường nói.

Khát, hạ nước gì họ cũng uống. thì đói — hay không đói đi nữa — có thể hạ cái gì họ cũng ăn.

Ở một cái quán bên đường ta thấy nhiều người ngồi ăn uống một cách ngon lành những miếng dưa đỏ, những hạt chè mà không biết bao nhiêu bụi đường đã bám vào, không biết bao nhiêu ruồi đã đậu lên.

Ta vào một cái chợ, gặp giữa ngày mùa và len lỏi đến chỗ bán lòng lợn, lòng bò. Thật là một cảnh hội yến của tất cả các hạng ruồi. Thế mà những khách hàng chung quanh cũng chẳng buồn xa ruồi đi nữa gặp lấy gặp để mà ăn, về mặt hôn hờ, nhất là khi những chai rượu ở bên cạnh đã lưng chừng vơi.

Kể những truyện về việc không có V.S. trong cách ăn ở của dân quê mình thì bao giờ cho hết được !

Tôi chỉ xin nói thêm rằng biết bao nhiêu đứa trẻ sơ sinh đã bị bệnh sởi uốn ván lờn sang thế giới khác, chỉ vì người ta bao nhau lấy miếng mảnh sành nhét dưới đất cắt rốn cho chúng, khi chúng mới lọt lòng.

Một thói tai hại nữa là thói nhá cơm rồi mớm cho trẻ. Nếu người mẹ hay người vú nuôi mà mắc bệnh ho lao chẳng hạn thì thật là một

cách truyền lệnh cho cửa trẻ không có gì biểu
nghịem cho bằng.

*

Trên đây, tôi kể vài ba việc để tỏ rõ sự
ăn ở thiếu vệ sinh của dân quê mình.

Cái hại không phải ít, nhưng còn tiềm tàng,
thấy rõ được cũng còn phải chờ đợi trong một
thời gian giải hay ngắn.

Còn đến việc ốm đau mà không biết tìm thầy
lăm thuốc, mà chạy chữa một cách quàng xiên
thì cái hại thấy rõ ràng ngay, một việc đáng lẽ
phải làm cho người ta suy nghĩ mới phải.

Ở các nhà thương, không ngày nào là không
có một người bệnh, lúc được đưa tới nhà thương
thì bệnh đã vào thời kỳ trầm trọng quá rồi, bệnh
trầm trọng vì người ta không lưu ý đến bệnh
cũng có, nhưng phần nhiều bệnh trầm trọng
vì — chẳng hiểu một tí gì về bệnh cả — người
ta đã dùng thuốc quàng xiên, những thứ thuốc
làm hại nhiều cho người bệnh hơn là chữa cho
bệnh khỏi.

Đây truyện một đứa trẻ, lúc được đưa đến nhà
thương thì chỉ còn thoi thóp, vì bố mẹ nó đã cho
nó uống từng ngao thuốc phiện để chữa bệnh đi
tốt cho nó : trong khi mà ở các nhà thương, lúc
dùng đến thứ thuốc độc ấy, người ta cần thận
từng phân từng ly một.

Những việc xảy ra hàng ngày về một bệnh rất
hiếm thường và cũng rất ác hại là bệnh Giang
mai.

Những người mắc phải bệnh ấy tự cho cái việc
không may của họ là một điều xán xa như nước.
Họ giấu diếm ; rồi họ lần lút tới những nhà thuốc
có quảng cáo âm lễ hay không quảng cáo, nhưng
tất cả đều cam đoan với họ sẽ tuyệt nọc bệnh sau
4. 5 liều thuốc.

Công hiệu của thuốc ấy chóng lắm, vì chỉ đâm
ba hôm sau, họ sẽ đến nhà thương, mặt mất sắc
người gầy vò, và tiền tiền ra máu, vì họ đã dùng
phải thủy ngân quá độ đến nỗi thận của họ đã hư
hỏng cả. Rồi họ nằm chờ cái ngày không xa gì
mấy mà họ sẽ đem đôi họ ra chuộc lại cái đã quá
mê muội.

MỤC ĐÍCH VÀ CHƯƠNG-TRÌNH TRUYỀN

DANH - VĂN NGOẠI QUỐC

PHẢI CÓ MỘT LÝ TƯ'ÔNG

PHAN QUẢN dịch

... Lý-tướng Jaurès nói rất phải, lý-
tướng là một sự rất cần !

Đã đành chúng tôi cũng biết rằng, những
sự cải cách trong xã-hội, cũng như mọi sự
tiến hóa trong vũ-trụ, phải thông thả tuần-
tự mà đi. Lễ tuần-tự nhi tiến ấy, tôi đã học
được của Taine, và Jaurès thì học được
của Karl Marx.

Chúng tôi cũng thừa hiểu rằng thời đại
chúng ta chỉ là một giây phút trong một
cuộc tiến hóa lâu dài, và cuộc tiến hóa ấy,
đã bởi một vài nguyên nhân, đưa xã-hội
loài người đến chế độ tư bản, thì rồi ra lại
vẫn bởi những nguyên nhân ấy sẽ đưa ta
đến một chế độ khác, mà Marx gọi là chế độ
cộng-đồng. Mà dầu ai có muốn một cuộc
biến hóa nhanh chóng, cũng không thể
được, là vì trong sự tiến hóa, ta không thể
nhảy qua những giai-đoạn trung gian.

.... Nhưng ta chớ nên nhầm ; một nước
không thể hài lòng bởi những tấm mặt
chính-trị hẹp hòi.

Một vài, cuộc cải lương lành chính, một
vài lược tiến hóa kinh tế no có thể làm hài
lòng một nhà chính khách, vẫn chưa đủ
làm nức lòng dân chúng.

Dân chúng chỉ hoan nghênh những sự
cải cách ấy khi mà họ đã nhận thấy rằng sự
cải cách ấy là một phần của chương-trình
rõ ràng, đầy đủ mà họ ưa thích.

Dân chúng muốn được một chương trình
cải cách hoàn bị về xã-hội. Họ muốn một lý
tướng. Mà tất cả chúng ta, ai cũng muốn
thế. Cái mà làm cho lòng ta phấn khởi, làm
mê, không phải là thêm chút đỉnh điều hòa
cho xã-hội, nhưng phải là một công cuộc
sẽ đưa chúng ta tới sự công bình tuyệt đối,
sự tự-do vẹn toàn, sự điều hòa hoàn hảo.

Vì thế mà chương-trình của đảng cấp-
tiên kèm chương-trình của đảng xã-hội.

Chương-trình của đảng cấp tiến dần dần
chẳng còn lý-tướng gì nữa và chỉ rút lại có
một vài điều yêu cầu cải cách về pháp-luật
hiện hành.

Tự trung cũng có nhiều đảng viên xã-
hội chẳng khác gì những đảng viên cấp tiến
tàn tiến. Nhiều đảng-viên xã-hội vẫn không
muốn đem thực hành ngay tất cả những
chủ-nghĩa mà họ thờ. Sở dĩ họ thích chủ-
nghĩa xã-hội, là không những vì chủ-nghĩa
ấy hợp với lý-luận và nhân-đạo, mà còn bởi
rằng chủ-nghĩa ấy đặt họ vào một địa-vị
quan-trọng trong lịch-trình tiến hóa của
nhân-loại : chủ-nghĩa ấy làm cho họ được
tự hào chiếm một giai đoạn trong cuộc tiến
hóa thiêng liêng, mà họ được đóng vai một
bạn thợ tạo tác nên nền hạnh phúc tương
lai cho nhân-loại. Chủ nghĩa ấy làm họ bao
giờ cũng được gần lý-tướng.

Chắc các ngài sẽ bảo rằng : thế ra đảng
xã-hội các ông khởi thảo và dự-bị một chế
độ mà chính các ông lại không muốn thực
hành ngay cho các ông, như thế thật là một
sự mâu thuẫn buồn cười !

Không ! Như thế mới thật là chí lý. Như
thế mới thật là tinh-thần tiến hóa. Một dân
tộc nhậm lược tới tương lai, muốn thế họ
thể kia, nhưng vẫn phải dựa vào hiện-tại.

Công việc của chúng ta có hai phần. Một
là : định pháp-luật hiện hành ra sao ? Phải
theo trình độ phong tục, nghĩa là pháp-luật
phải định làm sao cho hợp với chúng ta.

Hai là rèn đức trí-tuệ tâm hồn của ta ra
sao ? Phải tới sự chí-công, thuần mỹ và bác
ái, nghĩa là phải hướng theo sự nguyện
vọng đầy đủ của chúng ta.

Lập pháp phải trông vào hiện tại, nhưng
giáo dục phải trông vào tương lai.

Trích ở báo La Cocarde 15-9-1894.

Mấy hiệu thuốc ấy nói cũng không ngoa. Họ
đã tuyệt được rọc bệnh vì lẽ gì? Ờ là họ đã
tuyệt luôn cả người bệnh.

Ở phòng chữa bệnh hoa liễu trong nhà thương
Phủ-đoãn, mỗi khi gặp người có bệnh giang-
mai, các y-sĩ đều cần thận giảng giải cho người
bệnh rằng phải đến chữa cho chuyên cần mới
mong khỏi hẳn được.

Như người bệnh có nghe cả cho đâu ! Mỗi
khi họ thấy mụn lở ở cơ quan sinh dục lành
lặn rồi, họ sẽ cho việc tiếp tiếp thuốc là không
cần nữa, tuy đã có người nhắc đi, nhắc lại cho
họ rằng cốt bệnh không phải ở đấy.

Rồi họ vui vẻ quên bệnh họ đi.

— họ để vợ họ có đẻ mà không có nuôi

— để cho con họ nếu sống được sẽ gầy vàng
quặt quẹo

— và để chính mình họ, năm sáu năm sau sẽ
trở lại nhà thương khi một nửa người họ đã te-
liệt đi hay khi họ đã « lặn dưng » ra để không
bao giờ tỉnh lại nữa.

Trong một luận án về bệnh giang-mai, bác-sĩ
Nguyễn an Trạch kể rằng trong 500 người mắc
bệnh giang-mai điều trị tại nhà thương Phủ-đoãn
thì 340 người tự ý thôi không đến chữa nữa, sau
vài ba phát tiêm. Trong 10 người, may mắn lắm
mới được một người đến chữa cho gọi là tằm đủ.

Còn về bệnh sốt rét rừng, cái bệnh tai
hại nhất của dân mình ?

Ở chốn thôn quê, những người không được học
hỏi ai đã biết rằng bệnh ấy là do nọc thứ muỗi
truyền cho người ?

Họ vẫn tin rằng nếu họ sốt, nếu người họ xanh
xao là chỉ vì họ đã uống phải nước độc, họ đã
tiêm nhiễm phải khi độc ở nơi rừng rậm, núi đồi.

Vì thế cho nên họ không dùng mành để phòng
bệnh, và cho rằng đã bước chân lên mành ngược
thì bệnh ấy tất nhiên phải có.

Bởi nhiều điều tin tưởng ấy, nên ở một xứ
mình dân không đầy 20 triệu, mà đã tới 5 triệu
mắc bệnh sốt rét rừng và trong đó có thể tính
được hàng triệu những người không còn làm
lụng bằng nửa công việc ngày trước được.

(Xem tiếp trang 18)

BÁ VỆ-SINH VÀ PHÒNG-THÔNG Y-HỌC

Chính phủ can thiệp Vào kinh tế

VU VĂN HIẾN

(Tiếp theo)

Những nguyên-nhân làm tăng sự can-thiệp của chính-phủ càng ngày càng thêm phức tạp thì các phương pháp can thiệp cũng càng ngày càng nhiều.

Trước thế kỷ 19, nước nào cũng đã từng thời gian hay giảm thuế thương-chính ở biên giới để lấy tiền cho ngân quỹ hay để khuyến khích sự nhập cảng những thứ hàng trong nước thiếu thốn,

Từ thế kỷ 19 tới nay, chính phủ nào cũng vẫn chú trọng đến chính sách quan-thuế nhưng càng ngày người ta càng ít để ý đến sự lấy thuế cho nhiều để lợi cho ngân quỹ mà chỉ chú trọng vào mục đích là khuyến khích sự hoạt động kinh tế trong nước.

Vào khoảng giữa thế kỷ 19, muốn cho kỹ nghệ phát đạt, các nước Âu tây đều hạ hay bỏ hẳn thuế nhập cảng nguyên liệu và thực phẩm, cốt để cho kỹ nghệ mua được rẻ mà thợ thuyền thì sống một cách dễ dãi với số lương ít ỏi của họ. Trái lại các chế-phẩm ngoại-quốc phải chịu một thứ thuế nhập-cảng rất nặng làm cho giá tăng gấp năm hay gấp mười, không sao bán tranh được với nội-hóa. Không những thế muốn để cho nội-hóa bán ra ngoài dễ, Chính-phủ bỏ hẳn thuế xuất-cảng và nhiều khi còn phải cho tư-nhân những tiền thưởng về xuất-cảng (primes à l'exportation).

Những phương-pháp quan-thuế thông thường ấy tới nay vẫn còn dùng; nhưng nhiều khi hàng rào thuế quan không đủ che chở cho kỹ-nghệ trong nước, vì nước ngoài có trăm nghìn cách để làm cho hàng hóa của họ vẫn có thể bán phá giá được; họ có thể tăng tiền thưởng về xuất-cảng, bán rất đắt ở trong nước hay ở nơi nào họ đã chiếm độc-quyền để lấy tiền bù vào chỗ lỗ vốn khi bán ra ngoài, hoặc là dùng một phương-pháp về tiền-tệ hay hối-doái mà ta sẽ xem sau đây.

Vì vậy cách mười mười lăm năm nay, muốn cho kinh-tế chịu ít ảnh-hưởng của giá cả tiền thị-trường quốc-tế, có nước quyết-định dành cho Chính-phủ độc-quyền về việc giao-dịch đối ngoại (Đức, Ý, Nga v. v.).

Còn nước nào vẫn để cho tư-nhân được giao-dịch với ngoài thì lại dùng hai phương-pháp quan-thuế

mới: là « cấm-chỉ » (prohibition) và « định số » (contingement).

Trong phương-pháp trên, nhà nước đóng hẳn cửa biên-thùy không cho một hay nhiều thứ hàng vào trong nước, giá thuế cao bao nhiêu cũng không được, mà cho không cũng không lấy. Như thế các nhà sản-xuất trong nước không còn e ngại gì sự cạnh tranh ở ngoài.

Nhưng lối bảo-hộ triệt-đề ấy ít khi dùng vì nước ngoài không bán được sẽ tìm cách trả thù mà cấm-chỉ sự nhập-cảng thứ hàng nước mình bán ra. Vì thế người ta hay dùng phương-pháp « định số » hơn.

Với cách này, trong mỗi một thời hạn (một năm, sáu tháng v. v.), chính-phủ chỉ cho phép bán ra hay mua vào một số hàng nhất-định là bao nhiêu cân hay bao nhiêu liên (contingent). Số ấy sẽ đem chia cho tư-nhân, người nào mua hay bán ra ngoài phải có giấy phép (licence); khi số-định đã hết thì biên-thùy lại đóng chặt lại, sự giao-dịch về thứ hàng đó lại cấm-chỉ cho tới kỳ sau.

Nhiều khi Chính-phủ lại từng từng nước ở ngoài mà định số ấy cao hay hạ: cũng trong một thời hạn, người trong nước có thể mua một thứ hàng ở nước A mà không được phép mua thứ hàng ấy rẻ hơn và tốt hơn ở nước B hay C, v. v. Những « định số » thường đã thỏa thuận tự trước trong các hiệp-uớc thương-mại các nước ký với nhau.

Ngày trước, về phương-diện quan-thuế các nước, chỉ biết tăng hay hạ thuế; ngày nay với cách « định số » và « cấm chỉ » cùng những phương-pháp thuộc về tiền-tệ và hối-doái, Chính-phủ nào chưa đặt độc-quyền về sự buôn bán quốc-tế cũng có thể nắm chắc trong tay nền kinh-tế nước mình.

Đã đạt những biên-thùy quan-thuế để tách nền kinh-tế quốc-gia ra thành một khối tự-lập chỉ giao-tiếp với thị trường thế-globằng những cửa ngõ tùy mình đóng hay mở, chính-phủ được tự do can-thiệp vào các ngành kinh-tế mà không sợ ảnh-hưởng trực-tiếp của sự cạnh-tranh ở ngoài.

Ở trong nước, chính-phủ có hai lối can-thiệp: can-thiệp bằng cách đặt lệ-luật để hạn-chế sự hoạt-động của tư-phần cùng can-thiệp bằng cách kinh-doanh và hoạt-động.

Những lệ-luật kinh-tế đặt ra để hạn-chế tự-do của tư-nhân ở các nước tư-bản kể không sao siết được.

Trong lúc bình-thời, những lệ-luật ấy cũng đã nhiều: nước nào cũng có luật lao - động định số giờ làm, tiền-công tối thiểu, phụ-cấp gia-đình, phụ cấp tai-nạn v. v. ; ở nhiều nước muốn mở kỹ-nghệ, tư-nhân phải xin phép chính-phủ trước, và có những sản-phẩm về kỹ - nghệ hay cạnh-nông, không được bán hạ hay cao hơn một giá đã định trước.

Thí dụ, ở Pháp hai đạo sắc-luật 1935 định giá đường, cấm không được mở thêm nhà máy chế đường; một đạo-luật 1936 cấm không được mở thêm nhà máy làm giấy dếp hay chuyển-dịch của hàng bán giấy lễ mà không có phép của chính-phủ.

Tại Hoa-Kỳ, năm 1933, tổng-thống Roosevelt đặt trong mỗi ngành kinh-tế một bộ luật định rõ từ công thợ, giá mua nguyên liệu cho tới giá bán lẻ các chế-phẩm.

Tại các nước độc-lài thì những lệ-luật lại còn phức-tạp hơn nhiều.

Những luật, những huấn-lệnh và thông-tư về kinh tế ở Đức trước cuộc chiến-tranh này có thể chắt một tủ sách. Ở đây chính - phủ định sẵn tất cả giá, yếu-tố dùng vào, việc sản - xuất (công thợ, lãi tư bản, giá nguyên - liệu), công vận - tải, số sản-xuất, giá bán buôn, giá bán lẻ. Không những thế, muốn cho sự kiểm-soát sản-xuất được hoàn-khoàn và giữ cho giá hàng ở mức vững, nhà nước lại kiểm-soát cả việc tiêu-thụ của tư-nhân và các công-sỹ. Bắt buộc phải mua ở hợp-tác-xã hay một cửa hàng đã định sẵn, dùng « các » thực-phẩm, hạn chế hay cấm hẳn sự dùng một vài thứ hàng v. v. những phương sách đó nay vì chịu ảnh-hưởng chiến tranh nước nào cũng dùng; trước đây năm năm, vì những nhẽ khác hẳn, đã đem thực-hành ở những nước độc-lài bên châu-Á.

Thật ra thì sự đặt lệ-luật để hạn-chế tự-do của tư-nhân, không có gì là mới lạ, những vào giữa thế kỷ 19 thì lệ-luật ấy rất ít, và trong lúc bình-thời thường chỉ có luật - lệ về sự chuyển dịch hàng-hóa, còn sự sản-xuất và tiêu-thụ thì vẫn chỉ điều chỉnh theo lệ cung-cầu.

Ngày nay nếu ta xét toàn thể các nước tư-bản Âu-tây thì kinh-tế nước nào cũng bị ràng buộc bởi rất nhiều lệ-luật phức-tạp.

Ngoài cách đặt lệ luật, chính phủ có lối can-thiệp bằng sự kinh doanh một trong nhiều ngành kinh-tế

Đã từ lâu, nhiều chính-phủ đã trực-tiếp quản-trị một vài thứ kỹ-nghệ theo như tư nhân (régie directe) hoặc ủy nhượng độc-quyền một vài thứ hoạt-

động cho tư nhân như vậy bắt họ phải theo nhiều điều-kiện về việc chia lãi, định công người làm, dành giá đối với người tiêu-thụ v.v. (concession). Những đường hoả xa, đường điện-thoại, các sở bưu-điện ở các nước Âu-Mỹ phần nhiều kinh doanh theo hai lối trên này.

Nhưng người ta đã nghiệm thấy hai lối đó khó lòng đem thi-hành được trong các kỹ-nghệ sản-xuất hay chế-hoại là các ngành cần phải cạnh-tranh với nước ngoài và trong đó luôn luôn phải đòi hỏi kỹ-thuật.

Vì thế cách đây vài chục năm, muốn đề quốc-gia có thể giữ trong tay những kỹ-nghệ then chốt của nền kinh-tế mà muốn tránh những điều bất-lợi của chủ-nghĩa quốc-quyền, nhà kinh-tế Rathenau (người Đức) đã xướng lên lối « sung-công kỹ-nghệ-hoá » (nationalisation industrialisée).

Nhà-nước sẽ sung-công những kỹ-nghệ quan-trọng mà từ trước tới nay vẫn là của riêng các hội vô-danh. Nhưng đáng nhẽ đem những công-xưởng đã sẵn có ấy giao cho những công-chức vô-trách-nhiệm, thì nhà-nước cứ để cho các cơ-quan của tư-nhân trông nom và điều-khiển về mặt chuyên-môn. Chính-phủ chỉ thay các hội vô-danh để làm chủ các công-xưởng, còn về việc quản-trị thì một ủy-ban gồm có đại-biểu của nhà-nước, của người làm và của người tiêu-thụ sẽ thay chân cho ban quản-trị của các hội vô-danh,

Lối ấy chỉ thực-hành được trong những kỹ-nghệ đã tập-trung trong một ít tư-nhân vì đã liên tới bậc đó thì những nhân-viên và nhà chuyên-môn làm với các hội vô-danh của tư nhân đã mất hẳn sự trực-liếp với chủ và dùng vào một địa-vị không khác gì các viên-chức trong một công-sở.

Sau cuộc đại-chiến những đảng lao-động và những cơ-quan vô-sân ở nhiều nước tư-bản như Anh, Pháp, Mỹ đều yêu-cầu « sung-công kỹ-nghệ-hoá » các hội khai mỏ, vận-lái, điện-khí, bảo-hiểm, v. v. Nhưng tựu-trung, bản chương-trình ấy chưa đâu thực-hành được hết; một đôi khi, có nước đã bắt đầu sung-công một vài kỹ-nghệ nhưng những cuộc thí-nghiệm ấy phần nhiều bị thất-bại: các cơ-quan quản-trị do chính-phủ cử ra hay bị ảnh hưởng của các phái chính-trị và thường không trông rõ những quyền lợi kinh-tế bằng các cơ-quan cũ của tư-nhân,

Thật ra thì từ 20 năm nay, sự can-thiệp của chính-phủ liên-bộ theo một đường khác hẳn, do vài nước độc-lài ở Âu-châu đã bắt đầu vạch, là tiến về lối tổ-chức nghiệp-đoàn (organisation corporatiste).

Trong lối tổ-chức này chính-phủ không trực-tiếp hoạt-động về kinh-tế nữa, nhưng dùng uy-quyền bắt-buộc những nhà sản-xuất cùng nghề phải hợp thành những hội (syndicals hay cartels), đồng thời

TRUYEN-BA VE-SINH...

(Tiếp theo trang 15)

Sự tối tăm mê muội về Vệ-sinh và Y-học thường thức của anh em dân quê — *hạng người đông nhất trong xã-hội mình* — là một nguyên nhân hệ trọng gây nên sự hèn yếu của dân tộc.

Có khi về một làng, ta thấy đến 9/10 là những người bệnh tật :

— người thì xanh xao vàng vố vì bệnh ho lao,

— người thì chân tay khùng khiêu không đủ mang nổi cái bụng chướng to vì bệnh sốt rét rừng.

— còn nhận thấy những người mất thị kềm nhem, lúc nào cũng như trốn ánh sáng vì đã mang bệnh đau mắt hột từ không biết bao nhiêu năm nữa.

Dân tộc có 20 triệu, nhưng trong số ấy đã bao nhiêu người ốm yếu, không còn đủ sức mà làm việc nữa rồi.

Mà đến ngay những người còn khỏe mạnh, với cách sinh hoạt mê muội như thế, thì phỏng họ còn sống thêm được bao lâu nữa ?

Mới đây, sau một cuộc điều tra, bác sĩ Nguyễn

xuân Nguyên cho ta biết rằng tuổi sống trung bình của dân quê Việt-nam là vào quãng 25, 26 tuổi, nghĩa là bằng nửa tuổi sống trung bình của một người Âu. Mỹ,

Nói một cách khác, người dân quê Việt-nam sẽ phải từ già cuộc đời giữa lúc có thể đem sức lực ra mưu sự no ấm cho gia đình và giúp ích cho những người chung quanh.

Nguyên nhân sự chết yểu ấy cũng nhiều những phần quan hệ phải về các bệnh tật mắc phải chỉ vì *ngu muội*.

Nếu chỉ vì ngu muội mà dân quê ta phải chịu ốm đau, nếu chỉ vì ngu muội mà họ phải chết chóc một cách oan uổng thì bốn phần của những người đã được may mắn hiểu biết một chút là phải cho họ được có một đời bền vững lâu dài hơn.

Không nói gì đến công cuộc nhân đạo nữa, chỉ một tấm lòng lo nghĩ đến tương lai của cả một dân tộc, cũng đủ khiến chúng ta bấn tay vào làm việc, sớm được ngày nào hay ngày ấy.

(Còn nữa)

công-nhân cũng bắt-buộc phải gia-nhập vào các công-hội. Các hội của chủ và của thợ có khi hợp-nhất thành những cơ-quan chung đặt dưới quyền kiểm-soát của chính-phủ (như ở Ý) có khi hợp riêng và mỗi thứ có một trách-nhiệm và một công-dụng riêng (như ở Đức) (1).

Nhưng ở đây, đối với chính-phủ cũng chỉ có những cơ-quan ấy là đại-diện chính-thức cho nhà sản-xuất và công-nhân; không những thế, tuy không phải là một công-sở, các cơ-quan ấy cũng được chính-phủ ủy-quyền cho đề đặt lệ trong khu vực của mình và thu một thứ thuế để chi-phí.

Uy-quyền của quốc-gia đem chia sẻ một phần cho những hội nửa công nửa tư, đó một là đặc-diểm của chế độ này và cũng là một điều mới lạ trong công-pháp thế kỷ thứ 20.

Nhờ cách tổ-chức nghiệp-đoàn, chính-phủ có thể can-thiệp gián-tiếp vào tiêu-tiết của các ngành kinh-tế mà vẫn tránh được điều bất-lợi của «chế-độ công-chức» (fonctionnarisme). Các hội sản-xuất hay các

hội công-nhân trong từng nghề đặt những lệ riêng để nối-tiếp mà bổ-túc luật-lệ chung của quốc-gia, và thực-hành những huấn-lệnh của chính-phủ về kinh-tế.

Vẫn giữ sự khuyến-khích của tư-lợi và những điều-lợi của lối tổ-chức cá-nhân, lối tổ-chức nghiệp-đoàn khiến cho chính-phủ điều-khiển được cả nền kinh-tế.

Chính-sách này đã đem thi-hành ở Ý, Đức, trước hồi chiến-tranh này, còn tại các nước thuộc về phe dân-chủ thì đã có một phần dư-luận coi đây là lối tổ-chức kinh-tế của tương-lai, vì nó dung-hợp được điều hay của chủ-nghĩa cá-nhân và sự cần can-thiệp của chính-phủ.

Ngoài những phương-pháp can-thiệp kể trên đây, từ đầu thế-kỷ 20, chính-phủ còn can-thiệp vào kinh-tế bằng cách kiểm-soát, điều-khiển, vận-dụng cái then chốt của nền kinh-tế tư-bản, là tiền-té và hối-đoái. Đó là một kỹ-thuật có tính-cách chuyên-môn mà ta sẽ xét qua trong một bài sau.

(Còn nữa)

V. V. H.

(1) Xem bài khảo cứu về nghiệp-đoàn chủ-nghĩa của Đỗ-Đức-Dục (Thanh-Nghị số 45, 46, 47, 49...)

ngồi trong cu' a sô

(Tiếp theo trang 10)

đưa đám, tiếng chuông lanh lảnh rất to kêu cho cái chết như cho sấm sét không sợ nó đề ý đến nữa. Tiếng chuông con vang lúc chúng tôi theo kịp đám tang đương vội vàng, vòng quanh nghĩa địa như đề chỉ chỗ ở mới cho người mới chết.

Sự chết cổ điển nỗi người ta nói với hẳn bằng chữ latin. Tôi kinh cần nghe những lời cầu nguyện tìm cách không đi bước một với mẹ Urbine nhưng không thể sao được. Lão Rebaul với lão Morin đi trước chúng tôi chạy lại sau; lần đó là lần đầu tiên tôi thấy họ mang mũ họ cầm một cách kinh cần ở tay. Người đàn bà đánh phấn không có mặt không biết có phải bà ta nằm trong quan tài, vì quan tài rộng quá đối với một mình lão Vore. Hai ông lớn đội mũ cao đứng như tượng — đi nhanh mắt nhìn ghé gớm — như ta dẫn một đội quân.

Đến nơi rồi; một bức tường nhỏ vòng quanh nghĩa địa, đủ thấp để cho những đêm ma hội họp, ma chơi có thể nhảy qua mà không tắt. Mả nào cũng ở trong bóng mát mà người ta chỉ giống những cây bóng không độc. Dưới cây gì giống như cây thông bị gió vén lên, nằm dài những người đàn bà: trước hết những thiếu nữ có những tên mềm mại yêu kiều, rồi đến các bà vợ, các bà góa có những tên êm như tên các thiếu nữ.

Các bà già chẳng già bằng các ông cụ chỉ vì váy của họ mỗi lần gió thổi bay lên, vui đùa. Nhưng ba người bạn của tôi, lão Morin, lão Rebaul với ông phó lý mà tôi quên tên mãi thì chẳng có gì che đậy lấy tuổi già. Họ ở trong làng chỉ có việc nhặt những cái gì ốm yếu, gầy, vỡ, hấp hối. Lão Morin lán những chiếc thùng ruợu long đến nỗi chẳng giữ được nước mưa rồi phân phát vòng cho lũ trẻ. Lão Ribaul đợi cả mùa hè cho cây lồi đi rụng lá lúc mùa thu đến để làm vĩa lòng lão, lão thu vén lá cây như đề chia dúi mỗi gốc nhưng có lúc lão nhằm, đề dưới gốc cây platane nhỏ nhất, đóng lá to nhất. Lấy tay lão nhét lá vào xe bò kéo tay — lâu ngày tay lão cũng nhuộm màu lá — chửi một câu khi có hồn sỏi len lỏi vào giữa làm sứt da tay rồi kéo xe đi chẳng biết là đi đâu, về cổng nào chỗ không có cây cối.

Những chiều tanh ráo, trước lúc lão Vore đi qua họ đã đến sẵn, kéo chiếc ghế dài, ngồi xuống vén áo, trước mặt chiếc máy nước làm mốc cho nửa quãng đường từ T đến M. Tay đề lên đầu gối người ta đã phải khâu vào đầu gối họ lượn mòi, — gậy cặp vào đùi họ chỉ đợi một dấu hiệu nhỏ đề chào ngài hay gọi tên tục ngài ra. Bọn nội trợ đi qua nét mặt họ khinh khỉnh, họ chẳng dám lên tiếng gọi nhưng họ giữ các cô con gái lại. Lão Morin chúi cằm lên tiếng, còn hai lão kia ngồi nghe mồm há ra, chặc chặc rằng lão sẽ làm lũ con gái phì cười. Lão Morin nói đùa, còn hai lão kia cười trước nhất; người con gái rồi cũng phải cười cho đến khi thùng nước tràn ra, bắn tóe. Cô con gái lấy tay mức vài giọt té vào họ. Họ ngồi sát vào với nhau làm bộ như bị ướt, đánh đờ ghế trong khi vội vàng rồi lấy gậy dọa cô con gái.

Rồi đưa mắt nhìn theo — mùi xanh của mắt trắng ra — họ lắc đầu như đề thưởng thức, khuyến khích mỗi dáng đi dù dằng. Vì cô con gái đi thẳng bằng, mỗi tay một chiếc thùng, quanh người có chiếc vòng tròn mà chừng lão Morin mới biếu. Họ gọi các con chó vờ vờ tìm những con chó đi qua chỗ đó từ hôm qua bằng những tên họ hạ ra. Nhưng bố ông phó lý lại chửi, đuổi chúng đi. Thằng lùn bán báo đến ngồi cạnh các ông cụ đồ sau buổi đi vòng. Những người xuống thì nó kèm hẳn mấy

ĐÃ CÓ BẢN:

LY TAO

(Trong lục tài tử của Tàn)

của KHUẤT NGUYỄN

Người mà tôi nay ta còn nhớ
giỗ là Tết mừng 5 tháng 5.

Bản dịch của NHƯỢNG TỔNG

Sách khổ 17 x 23 bìa lilô 5 màu. Giá: 6\$00

CÙNG MỘT LƯỢT ĐÃ PHÁT HÀNH:

NGHÌN LỄ MỘT ĐÊM (quyển VI)

SẮP CÓ BÁN:

TRIẾT HỌC ARISTOTE

nhà xuất bản TAN-VIỆT
29 Lamblot Hanoi

Ông lão một đầu vì chỉ có chân nó là ngắn. Mấy ông lão ăn cắp chiếc mũ luỡi trai có chữ vàng của thằng lùn rồi lần lượt đội thử n.á đầu lão nào cũng vừa. Cái gì đối với người già cũng vừa, từ guốc cũ, áo cũ, súp để lâu. Họ ngạc nhiên về những việc hàng ngày hơn là những việc mới lạ làm sôi nổi xóm làng. Mấy đập lúa cứ chạy, sau mấy con bò lạ ô dê cứ đổ lấy nước ở máy. Họ vẫn điềm nhiên nhờ chiếc đinh guốc, ngắm con vịt mổ c.ếcc xuống cho không tìm thấy. Đây bụi, đám nắng họ có vẻ nghỉ chân sau cuộc du lịch lâu la ; người khách lạ có thể tưởng họ ở Tours đến mà người ta tự nhủ không biết bao buổi thì họ đến Châteauroux.

Kia họ đương dơ tay đủ áo hồ. Đàng xa chuyển xe hỏa làm rung động chân giòi. Nghe tiếng động không ai ngờ là chiếc tàu chẳng có toa hạng ba mà chồ qua đ.ếcc tàu chẳng có chắn ngang. Này họ cả ba đều đứng dậy để cho chiếc ghế khỏi d.ề. Người ta tưởng có đám mây to trắng súa lót lên mùi xanh da giòi làm cho giòi thêm tái. Này họ ra đi, kéo ghế theo sau, lê guốc như tiểc nhỏ. Chẳng biết họ đi đâu có-lẽ về chổ lão Ribaut chứa lá khô của mình.

Đàn ông nằm dưới cây chene, cây táo, rễ cây lâu ngày d.ề vào tận mả để nhận người chết xem quan tài làm bằng thứ gỗ gì.

Người ta chôn lão Vore tic một cây frêne gầy còm; chim ở huyết bay ra, sạt qua người lão đào huyết đương nóng ruột ; hòm đựng người chết hình chữ nhật nên không ai nhận ra đầu ở đ.ềng nào. Chiếc quan tài trượt không một tiếng rít, không một tiếng động đến tận đáy, Cỗ không bị nhàu. Lúc nằm lão Vore đối với đất cũng nhẹ như lúc đứng.

Rồi mọi người tản mát, vội vàng như muốn về chữa cho những người đương hấp hối khác, vừa chạy vừa điều qua ở chân hay ở đầu ông già nằm ngủ mà chẳng ai biết... Mụ Urbane ơi, ta cũng nhanh lên thôi ; tôi nhớ trong vườn nhà ta có một cây cứ năm năm mới ra hoa. Chúng ta cũng tuổi cùng mang đ.ề lên lá những con vật nhỏ đổ đương d.ề vội vàng trên hoa lis — nhưng hoa đỏ , tôi sẽ hái một mình vì đến ngày đó —, mụ Urbane ơi, mụ đã chết từ lâu rồi.

31 Mai 1939

DAY BAC LIEU

(Tiếp theo trang 8)

cũng không đáng chú ý. trâu và . . . bỏ thí mưa ở Cao mên về. Người ta đã tính trung bình 3 năm phải thay chúng một lần Heo thì có nuôi nhiều, . . . nên giá thịt mỡ được rẻ hiện thời có 1\$20 một kilô thôi ;

Số gà vịt không đủ dùng. Từ một năm nay, giá lên vòn vọt. Giá gà vịt từ 0\$80 hiện thời đã lên đến 1\$50, 1\$60 một con, giá trứng gà từ 0\$35 lên 0\$70, 0\$80, trứng vịt từ 0\$25 lên 0\$40, 0\$50 một chục. (1)

. Nhưng dù sao Baclieu vẫn còn là một xứ giàu, người thừa đất rộng, có thể dùng được nhiều đồng bào Bắc ta có chí doanh-nghiệp tại đất Nam kỳ. Saigon hiện giò đã thành như một đất cũ, sự làm ăn đã muốn phần khó khăn.

Vậy thì đã đến lúc người Bắc mình phải xuống Lục tỉnh, bầu dành lấy một vài lợi-quyền nằm trong tay khách trú và gây lấy một thố-lực kinh-tế tương đương. Vả lại chúng ta phải mong rằng rồi đây sẽ có đồng bào Bắc vào kinh doanh trong xứ này, không phải đó chỉ là một sự cần thiết để mở mang đất Nam kỳ, mà coi là một cách giải quyết vấn đề nhân mãn vừa êm d.ềm vừa « l.ệch sự ».

Tạ như Khuê

(1) Tài liệu lấy trong cuốn Baclieu. *Plan d'équipement économique* do chính phủ xuất bản vào Décembre 1938

Ô-TÔ NHÀ LẤU...

CÁI MỘNG ĐÓ SẼ THÀNH

SỰ THỰC, NẾU CÁC NGÀI

BỎ 1 \$ 00 MUA

VÉ SỔ SỐ ĐỒNG - PHÁP.

NHỮNG BƯỚC ĐI NGANG

ĐỖ ĐỨC THU

IV

Ngày ngày. Khôi đến trung ương thư viện từ lúc phòng xem sách mới mở cửa. Chàng ngồi vào một góc buồng, kín đáo, chăm chỉ như người sinh viên sửa soạn một kỳ thi, quên mình vào những tròng sách về sự học, từ sách giáo khoa dạy ở các trường, đến những cuốn có tính cách khảo-cứm khó khăn mà ít người xem đến; đã phẳng phất mùi ẩm mốc, và giấy nhuộm màu vàng.

Khôi ở đó suốt ngày, tìm tòi, nhặt nhạnh tài liệu cho cuốn sách chàng định viết, chỉ vắng mặt một lúc buổi quá trưa, đủ thời giờ một bữa cơm. Tập giấy bên cạnh chàng dần phủ những nét chì xanh, đỏ, những niên hiệu, chỉ tiết dạn ghi. Mỗi lần gặp một điều có ích cho chàng, Khôi vui vẻ nâng bút chì lên môi, ghi sang tờ giấy. Cho đến lúc chàng giật mình thấy nó không ích gì cho công việc mình.

Càng đi sâu vào môn đó, Khôi càng tự thấy còn hèn kém, dốt nát quá. Cái ý định lúc đi học chỉ là một thí hiệu ngông bạo, của anh học trò, mới thấy hơn được bạn, đã quá tin tài mình, tưởng làm được việc lớn hơn. Một cái thích không chưa đủ, còn cần phải một nền học vấn rộng rãi, vững vàng. Khôi thấy chưa có cái học đó. Mỗi cuốn sách chàng mở ra lại làm tỏ rõ thêm cái dốt, cái bất lực của chàng. Trong những trang giấy cũ màu, là những thế giới, những điều chàng cần phải biết nếu muốn dựa vào lịch-sử để thực hành cái mộng văn chương.

Cảm giác đầu tiên của Khôi khi nhận thấy điều đó, là nỗi sợ hãi của người bước chân vào một chốn vĩ đại, hoạn nạn. Chàng cảm thấy nền học vấn đơn giản của mình nghẽn, đến việc muốn làm, thêm nỗi thất vọng, chán nản của kẻ lặt lẹ. Nhưng cái tâm hồn bước bình, gan góc ấy chưa chịu thua. Khôi óc lại được dịp suy tính. Những sách ở quanh chàng, đã soi được một tia sáng vào chỗ tối tăm, làm rộng hơn giới, chẳng qua cũng chỉ là công trình những người đã chịu suy nghĩ, tìm kiếm. Sao chàng không làm được như họ ?

Biết được điều hạn hẹp của mình, lại tìm được phương bảo chữa, đó là những điều kiện dẫn bước đi tới đích. Khôi đã hiểu chàng qui chỉ ở sự học, đã tìm thấy con đường. Theo con đường đó lại là một chuyện rất khó khăn, làm cho người thanh niên khổ sở gần như tuyệt vọng.

Khôi bị hấp dẫn vào tròng sách. Chàng đọc liên miên, như ngoài đồng sách, trôn đời không còn có thú gì. Nhưng bây giờ chàng không nhặt nhạnh, ghi chép như trước. Chàng đọc để thỏa cái ý muốn biết, cho nó rộng thêm. Chàng cho nhặt nhạnh ghi chép như xưa chỉ là những chuyện vặt vãnh, tầm mẩn. Phải có một nền học bao quát, rộng rãi, ý-tưởng, trí phán đoán phát sinh ở đó mới được vững vàng. Công việc con ong, đi lấy nhị hoa về gây mật, đã thành công việc một con bướm, chỉ lang thang trên các bông hoa.

Mỗi vấn đề Khôi đề ý lại gây ra những sự tìm tòi, một quyển sách dẫn thêm đến quyển thứ hai. Khôi thấy rộng rãi, hoang mang như một khu rừng rậm, mà chàng phải dò từng cây. Công việc sẽ vất vả, nặng nề, và tốn thời giờ. Đó là điều khó khăn nhất. Trước kia, chàng tưởng vài ba tháng sẽ đủ viết cho xong cuốn sách. Nay chưa biết đến bao giờ.

Lần đầu tiên, Khôi tiếc rằng không được học nhiều. Cái bằng thành chung của chàng chưa ăn thua gì cho công việc. Bây giờ, nhận ra, thì đã quá chậm. Chàng không có thể quay lại một đời học sinh. Khôi thêm thường nhìn những người ngồi chung quanh trong phòng đọc sách. Họ bình tĩnh, yên vui, như không phải lo nghĩ gì ngoài sự học hành.

Nếu bây giờ, chàng cũng được như vậy ! nếu chàng cũng đã xem ăn, ăn mặc, không lo nghĩ gì, ngày ngày vào đây mà suy nghĩ, tìm tòi, kỳ cho đi tới đích. Được học lúc này mới thấy cái ý nghĩ cao quý của sự học, của cuộc đời. Tâm tính đã lập, trí khôn mở rộng, suy nghĩ đã chín, sức hấp thụ được nhanh chóng, những bước tiến lên được vững vàng. Nhưng làm sao cho được ?

Khởi nghĩ ngay đến cảnh mình, đến Minh, vợ chàng. Bồn phận trước nhất lúc này là phải lo đến cách sống của hai người, chứ không phải vào đây tìm sinh thú ở trường sách cũ. Chuyện cơm áo cũng là một gánh nặng trên vai người thanh niên không tài sản, quanh quanh không chỗ bầu vùi, và hiện thời, lại không công việc.

Mấy ngày dần, Khởi còn say sưa với tự do, với cái vui thấy giấc mộng sắp thành sự thực. Thân hoặc chàng có nghĩ đến thiết thực, có thấy mỏi lo, thì chỉ thấy nó thoáng qua. Chàng còn bình tĩnh, sự bình tĩnh của người chưa thấy nước đến chân.

Bình tĩnh cũng không được lâu. Cái đích lùi lại, thì cái lo lại gần, nhành chóng như bằng đôi hia bầy dậm. Một món tiền, dù nhỏ nhất, một lời Minh vô tình kêu ca về thực phẩm đắt đỏ, lại nhắc đến chuyện tiền nong. Khởi thấy tiền lưng gần cạn, cái khốn đốn lại gần với bộ mặt một con ác quỷ. Ý nghĩ anh chàng quanh quẩn trong cái vòng lo lắng mà không thấy lối ra.

Mỗi buổi sáng, mở mắt ra với ánh sáng mặt trời khởi óc Khởi đã thấy hần-khoăn. Chàng tự nhủ : « Phải tìm cách gì cho ra khỏi cảnh này. Đĩ không trông mong vào «ngồi bút, sách không viết được, thì phải xoay phượng kế nào để kiếm được tiền. Chỉ có đủ tiền ăn tiền là lại được yên lại được tự do đọc sách. Nhưng biết cách nào ? Dù muốn buôn bán sinh nhai cũng không có tiền làm vốn. Chỉ còn cách lại tìm việc, đi làm ». Ý đó, càng làm chán nản. Chàng chưa quên cái vui bỏ việc mới hôm nào, những ý định vô cùng đẹp đẽ. Đòi tự do chưa được hưởng, mà nay lại giam thân vào mấy bức tường, phải theo đúng giờ phút đi về, dành bỏ quãng hoài bão. Lại còn những lời đã nói với Kiên. Việc chàng làm thành một điều đại tội, để bạn có thể nhếch môi phê phán, giọng mỉa mai : « Đã bảo mà ! »

Không đi làm, thì cũng phải tìm một cách gì. Khởi nấn ná lùi lại từng ngày, lùi mãi lại cái giờ phải quyết định. Chàng phảng phất mong ngày hôm sau sẽ mạng giúp chàng một cái gì mới lạ. Ngày hôm sau, lại hôm sau nữa, mỗi lần mặt trời lặn lại reo thêm ít tối tăm, u uất vào tâm hồn.

Anh chàng vẫn giấu vợ câu chuyện mất việc. Ngày ngày chàng vẫn ra tỉnh, vẫn vào thư viện. Muốn giảm bớt chi tiêu, chàng bỏ bữa cơm trưa. Chàng mua mấy chiếc bánh tây. Đến bữa ăn, thì thường bánh đã khô. Tay chàng thò vào túi, sẽ bẻ ra thành những miếng vụn, đưa lên miệng. Chàng nhai nhẹ nhẹ, cố giữ tiếng răng, sợ người ta nhìn lại. Rồi cả đến bữa cơm chiều, nhiều khi cũng thay bằng vài tấm bánh. Chàng tìm có đồ trái để không ập cơm nhà. Những hôm ấy, Minh cũng chỉ ăn uống qua loa, đỡ được cả chợ búa, thôi nấu. Đến khuya, chàng về, tránh cả những câu chuyện tiền nong, tiêu pha với vợ, với tìm một chút nghỉ ngơi, quên lãng trong giấc ngủ.

Minh không hiểu gì về tấn bi kịch trong óc chàng.

Nàng vẫn đi làm như cũ. Thấy sắc Khởi ngày

mặt kém sút, nét mặt chằng thêm lẫn li. Minh ngờ rằng chồng sinh chơi bời, sự hay bỏ cơm nhà là một tang chừng. Nàng muốn đi xét chừng, và chỉ dám mon men đến gần cầu chuyện !

« Tối qua anh ăn cơm với ai ? »

Khởi trả lời cho tắc trách :

« À. Với mấy người bạn trong sở. Có người phải đi xa, nên anh em làm tiệc tiễn hành ».

Mỗi lần Khởi lại bịa ra một cớ : thù tạc, đám cưới, ăn mừng. Minh cũng biết vậy. Nàng biết đâu bữa « tiệc tiễn hành » chỉ là một bát phở, và mấy bắp ngô.

Minh cũng biết Khởi có khi bịa những cớ để giấu nàng

nàng một chuyện gì. Nàng không dám gặng hỏi, và cũng không cần biết rõ. Một điều làm nàng được yên tâm, là Khởi không có ngoại tình, nỗi lo sợ thứ nhất của các người làm vợ. Ngoại tình là mối tai-hại lớn nhất, có thể đưa đến chuyện tan nát, chia ly. Quý hồ tránh được điều đó, Còn ngoài ra, người đàn ông nào chẳng có lúc chơi bời, mà chơi gì, đến lúc chán cũng quay về với gia đình. Minh tin chồng vẫn vậy. Chàng thường vẫn ngủ nhà, và tuy ít nói, ít cười, cách ăn ở cũng không tỏ vẻ gì khác.

Minh tin rằng muốn giữ chồng, không gì bằng trông nom, săn sóc, làm đúng bồn phận người vợ hiền. Dù chồng có ý gì, cũng sẽ hồi tâm. Nàng càng ra công chiều chuộng Khởi. Trong những công việc vặt như đun nước, pha trà, và chải quần áo, nàng càng tỏ vẻ nhanh nhẹn, chăm chỉ. Những buổi Khởi ăn cơm nhà là dịp cho nàng trở lại nội trợ. Nàng không nhắc đến chuyện nuôi người mà chồng đã hứa, lại thêm cái đức lành xa mỗi lúc anh chàng tỏ ý bất bình. Nàng chăm nom chồng như nuông chiều đứa trẻ con.

Khởi cũng cảm thấy điều đó. Nhiều lúc Minh vô tình không nhận thấy người chồng nhìn nàng như con mèo rình một hang chuột. Khởi nhìn nàng, chăm chú như lúc ấy mới nhìn thấy vợ lần đầu, và lan man suy nghĩ. Hai vợ chồng như đang trong chiếu bạc, mà chàng là đứa chơi gian. Sự săn sóc lại càng làm rõ lòng chàng, không thẳng thắn. Muốn tự bảo chữa, chàng muốn bới tội Minh.

Người đàn ông nào, mà đã chẳng có lúc muốn đem những sự thất bại trong cuộc đời mình đổ lên đầu một người đàn bà, đã mắc cái tội đem cuộc đời họ ghép vào với đời mình ? Người chồng nào không muốn qui tội cho vợ, trong những cơn phẫn uất ? Khởi đổ cho Minh cái tội đã làm hại đời chàng.

Vì Minh, mà chàng đã phải thôi học, đi làm. Vì Minh mà chàng phải về đây. Rồi bây giờ, chàng phải đối trả, lo nghĩ cũng là vì Minh nữa ! Không có nàng đời chàng tất không có những bước đi ngang. Chàng sẽ được tự do theo đuổi mục đích. Thế là Minh đã làm hỏng một cuộc đời đáng lẽ phải rạng rỡ. Nàng là món hành lý công kênh không cho người lữ khách được đi xa. Đã có tội, thì dù phải đối rết, vật vạ, cũng là đáng lắm !

Khốn nỗi, (đồng thời) đang tận đề vợ dốt rết ! Đối to
nghĩ của chúng lấy giờ (cùng) chỉ có mục đích là cho con
người ấy được ấm, no. Những như một mình chẳng thì
làm gì mà phải bán khoán về cơm áo, phải dấn đoạn sự
học. Chẳng sẵn lòng tin như vậy.

Trong thâm tâm, như có tiếng nổi lên bác những ý
nghĩ quá vị kỷ vừa rồi. Đó là một câu sách nhỏ, chàng đã
thuộc lòng từ khi còn nhỏ. « Tiền trách kỷ, nhi hậu trách
nhân ». Trong óc chàng thoáng hiện mấy gian nhà gỗ.
Một ông già, mắt cặp kèm sau làn kính tuổi, dựa lên chiếc
cháp vuông đen, đang dạy cho con nhỏ cái đức làm người
Lòng se lại, Khôi bình tĩnh tự xét mình.

Những việc đã xảy ra, đều tự chàng cầu lấy. Nhất nhất
một tý gì cũng do chàng định đoạt, không một ai can
thiệp. Chàng đã tự ý, gây sự cả với chung quanh. Đến sự
mất việc này cũng không ai chia trách nhiệm. Chàng đã
leo nhân, thì hái quả, lẽ chỉ công của giới đất. Nếu
Minh có tội, thì tội chàng lại nặng bội phần. Chàng đã
mắc cái tội lường đảo trong tình cảm. Minh, người vợ
chàng, đã không được coi như người tri kỷ, không được
biết những ý nghĩ chàng, cả đến việc lập gia đình,
chung cho cả hai. Khôi mang riêng một thử giới. Minh
không được dự vào. Người đàn bà đã mang cả thân
thế, hạnh phúc gửi chàng, mà bị thờ ơ, không được
coi bằng người bạn. Ngày hai bữa cơm chín, làm việc
như một con đòi, nhịn nhục, phục tùng, Khôi còn muốn
gì thêm ?

Khôi nhận thấy Minh có quyền trách chàng nhiều hơn.
Lúc bực tức, chàng muốn tiết cái giận ra ngoài, gắt
với Minh, chỉ làm khổ vợ. Minh có khổ không ? Tru-
tướng vị kỷ còn muốn trổ đây. « Có lẽ con người như
thế không biết khổ ? » Khôi nghĩ : « Họ chỉ cốt đủ cơm
ăn, áo mặc. Biết khổ, tất phải biết suy nghĩ, có hoài bão
Minh còn hoài bão gì ? »

Dù sao, chàng cũng thấy bất nhẫn. Nét mặt nhăn nẻ
của Minh làm chàng dỗi ý hơn là nếu Minh cãi lại. Khôi
ái ngại, muốn làm một việc gì cho vui lòng vợ, chuộc
cái gắt gỏng vô lý của mình.

Đêm hôm ấy, Khôi bảo Minh :

« Đã lâu không hiểu sao thầy mẹ không viết thư
lên. »

Không mấy khi được chồng hỏi đến nhà mình. Minh
trả lời :

« Tôi cũng không biết tại sao. Chẳng biết ở nhà có
chuyện gì không ? »

Khôi vin ngay lấy ý vợ,

« Em muốn về thăm nhà ít ngày không ? »

Minh về nhà lúc này, gọn được việc cho chàng. Nếu
ở nhà luôn, lại càng hay nữa. Nhưng câu hỏi có kết quả
trái ngược với ý định, Kinh đầu ngờ. Đàn bà tính vốn
đa nghi, lại gặp lúc thích hợp cho lòng ngờ vực. Minh
ngờ ngay lòng từ tế của chàng. Hay anh chàng có nhàn
lành, muốn nài đi cho khuất mắt ? Minh hỏi lại ;

« Em đi vắng thì lấy ai thổi nấu, anh ăn nóng ra sao ? »

« Có cần gì điều ấy. Anh ăn cơm ngoài tỉnh tạm ít
ngày cũng được. »

« Để cho má nước căng ». Minh nghĩ thầm rằng
cũng muốn về thăm nhà, nhưng không phải vì thế.
Cái vui không liên được nữa lại thành nỗi buồn đến
kín. Cuyện lại rằng ở đây trong bếp ở nhà cha mẹ
Người con gái, một khi xuất giá là trở về nhà gia đình.
Nàng trả lời chồng :

« Em ki ông và. Nhà cũng chẳng công việc gì, đi lại
thèm tốn kém. Lại thêm phiền cho anh ở đây. Mọi khi
nào có việc gì, sẽ về liền thôi. »

Khôi tưởng vợ sẽ vui lòng theo ngay, chàng ngỡ đầu:
Minh lại chối từ. Chàng muốn nói phàng cho vợ biết câu
chuyện mất việc, sắp đến lúc cùng quẫn, phải tạm rời
nhau. Đó chủ là ý tốt, do lòng thương vợ, không muốn
cho nàng thấy cái đời rách sắp đắp sau lưng. Khi dự
tri được lại, vợ chồng sẽ lại cùng xum họp. Rồi nhau lúc
này chỉ là phương pháp tạm thời, chàng không thấy cách
gì hơn để đảm bảo nỗi lo, Khôi còn ngập ngừng, Minh nói.

« Hay đợi dịp nào anh được nghỉ vài ba ngày, chúng
ta cùng về nhà thôi. »

Được cùng về với chồng, thì đẹp đẽ vô cùng. Đẹp mặt
nàng, lại vui lòng cha mẹ. Khôi chắc ngán, mỉm cười.
« Nghĩ vài ba ngày ! » Chàng trả lời vợ :

« Ừ, hay là thế cũng được. Để hôm nào gần được
nghỉ lâu, anh sẽ bảo. »

Khôi không muốn nói gì với vợ. Chàng hay chậm rãi
nàng sẽ biết. Biết sớm hơn cũng chẳng lợi gì.

Minh cũng được yên tâm. Khôi không gặng cho nàng
đi. Lời nàng đoán sáng, đi ở không có ngoại tình

(Còn nữa)

NGUYỄN-DỨC-CHÍNH

NHÀ AI

Truyện dài, đầy 416 trang — Giá : 5\$00

Mỗi phát hành, còn rất ít

THÁNG MARS SẼ CẠ ĐÁN

TRÉ THO

Kỷ-niệm tuổi hoa niên — Giá : 1\$00

THƯ CHO MỘT THANH NIÊN

ĐỒNG THỜI... .. Giá : 1\$50

IN GẤM XONG :

KÝ sách mỹ thuật... .. Giá : 1\$50

THO — — — 1,80

HOAN LẠC truyện ngắn — 2,50

TÁC GIẢ XUẤT BẢN

126, Blockhaus Nord, HANOI

Đ O C SÁCH M O ' I

KHÁI HUNG Thanh - Đức
(tức *Tội Lỗi*) Đời Nay.

*

Những sách các nơi đưa lại còn bừa bộn trên bàn chưa kịp đọc thì người bạn ưa đọc chuyện của tôi đã đến tóm tắt cho tôi nghe cuốn tiểu thuyết mới của

ông Khải-Hung : « Hai cha con, mà cùng yêu một thiếu nữ! Người cha có cái duyên của tiền, người con có duyên của tuổi trẻ. Thiếu nữ hi-sinh để cứu vớt của hai. » Thế là trí nhớ của tôi bùng nngon cháy tôi tưởng đã sắp được xem một tấn bi-kịch mà trong đó oán, giận, thù, ghét bao nhiêu tình đều vì cái cảnh éo le cha con tăng sự ghê gớm lên gấp bội. Không muốn mà tôi nhớ lại hình ảnh những nhân vật của cuốn chuyện của *François Mauriac* : « *Le fleuve de feu* » cũng tả sự xung đột của hai cha con cùng yêu một cô gái diễm. Nhưng sự xung đột đó chỉ là một hiện trạng của tấn bi-kịch của tuổi đương trai, giữa lúc sắp "thời trẻ con" để làm người tuổi trẻ, thành ra tình tình của các vai trong chuyện sâu sắc, mãnh liệt mà cuốn tiểu thuyết đọc xong, phảng phất như có bóng tối dày đặc của đêm sâu.

Trí tưởng tượng thật dễ làm người ta nhầm lẫn. Cuốn chuyện của ông Khải-Hung trong trẻo, nhẹ nhàng, gần như vui vẻ. Quả cũng có một cặp cha con cùng yêu một cô con gái, quả cũng có xung đột, quả cũng có hi-sinh. Nhưng, dưới ngòi bút của nhà văn nhóm Tự-Lực, xung đột, hi sinh chỉ là những phương tiện để ông dắt mối cho câu chuyện. Thật ra thì ông chỉ muốn tả cái xã hội đặc biệt của giai cấp trưởng giả mới nhóm lên ở xứ này. Ấy là gia đình một nhà doanh nghiệp : bố là một người tay gậy dựng lấy cơ đồ, công việc là mục đích của đời sống; con là một tay tân học tếu vào cái phái thanh niên không chủ-dịch, không lý tưởng. Thiếu nữ làm cho hai cha con say mê, cũng lại ở vào

một nhà quan, cái thá thá quan đã mất hết phong cách nhà quan cũ, mẹ thì ăn chơi, con thì phóng lãng. Những người như thế thì còn làm gì có những tình tình thâm thiết. Hai bố con Thanh-Đức không yêu : bố mê công việc hơn gái, con thì yêu vì thói quen. Thiếu nữ, mà họ mê, đi lấy chồng khác cũng chẳng hi-sinh đó là cách giải quyết đời nàng dễ dàng nhất.

Ngoài những nhân vật đó, còn nét mặt một cô gái Huế, một cô gái đồ bát-xò, một bà quan ăn chơi... Ông Khải-Hung kể chuyện đã có duyên lại không từ dùng những trường hợp dễ dàng để đưa chuyện. Cho nên đọc-giải đọc sách của ông dễ bị quyến rũ. Hỡi người thiếu phụ nào ở Hà-thành mà không bằng lòng khi thấy tác-giả « Hồn bướm mơ tiên » dùng cả một cảnh phụ bản ma — cái-mốt trước đây mấy năm — để làm cho một đôi giai gái ở hai đầu tỉnh gặp nhau.

Nói tóm, tiểu thuyết của ông Khải-Hung nhẹ nhàng vui vẻ, dễ đọc quá khiến tôi phải cảm phục người, bạn tốt nào của ông đã khéo khuyên ông bỏ cái tên cũ « *Tội lỗi* » mà thay vào cái tên sáng sủa « *Thanh-Đức* ».

THÔNG CHẾ PÉTAIN ĐÃ NÓI :

Các người không thể trở lại cái thời cũ được. Các người hãy một lòng hợp tác để đợi cuộc hòa bình, đừng để trong nước rối ren. Chính-phủ phải được nhân-dân trọng vọng mà tuân theo.

MỜI PHÁT HÀNH :

của TOÀN ANH

PHONG LU'U ĐỒNG RUỘNG

Một tập khảo-cứu phong-phủ về các phong-tục và thú chơi tao-nhã của ta ở các vùng quê xứ Bắc : Ném pháo, thổi cơm thi, hát quan họ, v. v...

Vết tích của bao nhiêu vẻ đẹp hồn tàn của đất nước.



Bản thường 2\$ 50

Bản giấy Nhị-Nùng .. 10, 00



ANH HOA

69, Hàng Than, 69 — HANOI



TỔNG PHÁT HÀNH TRONG TOÀN XỨ
Nhà sách MINH ĐỨC — THAI BÌNH

Viec quoc te

TỪ 26 FÉVRIER ĐẾN 4 MARS

Trên Thái Bình Dương

Không có sự gì thay đổi, duy hai việc đáng chú ý :

— Đại bản doanh Nhật ở Đông-kinh thông cáo (25-2) rằng : Trên những đảo Kwajale và Luott, các đội quân Nhật đã kịch liệt giao chiến với quân địch đổ bộ và đã chết một cách oanh liệt cùng với hai tướng chỉ huy, các phó đô đốc Michiyuk Yamada và Monzo Akiyama (6-2).

— Cũng do đại-bản doanh Nhật ở Đông-kinh thông cáo (28-2) : Sáng ngày 22 Février một đại hạm đội Mỹ gồm có 10 hàng không mẫu hạm và 8 thiết giáp hạm xuất hiện trên bờ phía Đông quần đảo Mariannes của Nhật, một giầy đảo xếp thành vệt thẳng góc với giầy đảo Carolines ở phía Nam. Phi cơ của hải quân đã đánh đắm được 1 hàng không mẫu hạm và 3 chiến hạm khác của địch quân.

*

Mặt trận Ý

— Sau một hồi yên lặng, quân Đức nay bắt đầu tấn công rất mạnh vào Nettuno, khu đổ bộ của Anh - Mỹ ở phía Nam Rome, cố ý dồn hết địch quân ra ngoài bờ.

*

Mặt trận Nga

— Cuộc đại tấn công mùa đông của Nga đã lan từ khu phía Bắc đến phía Trung-trong.

— Ở phía Bắc, mặt trận đã chuyển từ một đường dài Léningrad — Dno — Velikie Luki ở phía Đông, sang một đường khác Narva — Pskov — Sebei ở phía Tây dọc theo cương giới Nga — Estonie và Nga — Lettonie. Phía trên Hồng-quân đã đánh tới đất Estonie ; trận thế, vẫn gay go ở Narva và ở Pskov. Phía dưới quân Nga sau khi chiếm những thành Dno, Bejanitsa, Novosokolniki, OPOCHKA và Sebei, nay chỉ còn cách Lettonie gần 50 cây số.

— Khu Trung trng, trong quận Bạch-Nga, Hồng quân đã hạ được thành Vitebsk ở phía trên; quả dưới, sau khi hạ được Rogachev, quân Nga đã tiến tới sát thành Bobruisk. Ở vùng này, quân Đức lại rút lui bỏ hết cả đất ở tả ngạn sông Dniepr.

— Khu phía Nam, ở khuỷu sông Dniepr, Hồng quân đã từ Nikopol theo dọc sông đánh thẳng về phía Kherson. Như thế mặt trận ở phía Bắc bán đảo Crimée có cơ sắp trở nên hoạt động.

*

Mặt trận không chiến ở Tây Âu, vẫn tiếp tục và chuyển reo sự khùng khiếp xuống những đô thị lớn ở Trung và Nam Đức. Người ta nói đó là bước đầu một cuộc đổ bộ của Đồng-Minh lên Tây Âu.

*

Trên trường ngoại giao, Anh Mỹ vẫn chưa kéo được Tây-ban-Nha về phía mình và đã bắt đầu dùng chính sách tuyệt giao về kinh tế.

D. D. D.

ĐỌC NHẬT BÁO, CHỈ NÊN ĐỌC :

BÁO VIỆT CƯỜNG

Vì Việt Cường hoạt động, mới
mẻ, đầy đủ, bổ ích và vui nên
gia đình nào cũng đọc :

BÁO VIỆT CƯỜNG

VIEC PHAN CAP GAO cho mien bac Dong Du'ong

Các nhà sản xuất bánh tày đã được lệnh không được lén lút bán gạo cho các hàng rong và chỉ được bán lẻ ngay tại lò hoặc đưa đến nhà cho những người có thể thực phẩm ấy.

Phòng kinh-tế tòa Đốc-lý cũng vừa ra cáo và yết-thị cho công chúng biết bắt đầu từ ngày 2 Mars 1944 mỗi tem gạo được dùng năm kí-lô gạo trong nửa tháng, nghĩa là mỗi thỏi xuất từ nay được dùng 10 kí-lô gạo trong một tháng

Nếu tình thế khó khăn thêm, ta phải đợi đến sự dùng gạo hoặc bột gạo vào việc chế tạo những thực phẩm chúng phải là cơm, sẽ bị hạn chế N° 4, sự đó có đến, mọi người nên hiểu rằng cũng như những hành động ở trên, đó là phương kế tất nhiên để đối phó với sự thiếu thốn nhất thời và những phương kế ấy sẽ tức khắc bỏ đi mọi khi tình thế trở lại bình thường, như lệnh cấm thị trong hai ngày một tuần lễ nay đã bãi rồi mà chỉ phải giảm 30-1 số thối nhỏ thôi.

Ài chẳng hiểu việc phân cấp gạo cho dân chúng là một việc tối quan trọng và được chính-phủ chăm lo đặc biệt. Các nhà đương chức hẳn đã dự bị sẵn cả một chương trình để thi hành nếu có sự bất thường xảy ra. Và một vài phương kế, tôi lạm đề nghị dưới đây có lẽ cũng không phải là những điều mới mẻ gì:

1) Hạn chế sự dùng gạo không phải dùng vào việc thổi cơm.

2) Kiểm sát nghiêm ngặt để cấm sự tích trữ thóc.

3) Tải thóc bằng thuyền ở Nam-kì ra.

4) Truy nã và nghiêm trị bọn buôn gạo qua biên thùy.

5) Nếu có thể, giảm số gạo dùng trong các nhà máy.

6) Kiểm sát cả việc chuyên chở và buôn bán các thứ: ngô, khoai, sắn, đậu. Các thứ này ở miền nào giồng được thì đề cung cấp cho miền ấy. Các kế phương kế này cũng có diệt trừ nạn việc

dùng những thức ăn thay cơm gạo đối với các miền không làm được bắp nhưng tưởng thế còn hơn là để cho con buôn, buôn đi cất lại, tích trữ, và đầu cơ, làm cho giá gạo, khoai quá đắt

VŨ ĐÌNH HÒE

NÊN ĐỌC BÁO

thanh nghị

CẢI CHÍNH

Trong bài **Đầy, Bắc-Hậu** trang 7, chỗ:

Gạo (168 kgs) 8\$00

Chợ: một tạ 68 kg. 30, 00

xin đọc là:

Gạo (một tạ 68 kgs) 8\$00

Chợ: 30, 00

MỤC VIÊN

PACIFIQUE

XANH — TÍM

KÔNG PHAI MÀU
= KHÔNG CẶN =

Có bán tại các hàng sách.

MUÀ BUỒN HỎI:

Mr **ĐỖ VĂN THIỆU**
N° 94, Marché Foch — VINH

HOP THU'

Cùng bạn đọc thân mến.—Báo Thanh-ngibi ra hàng tuần được rất nhiều bạn viết thư về, hoặc khuyến-khích và cổ vũ hoặc chỉ giáo những khuyết-diểm cùng yêu cầu một vài điều rất hợp lẽ.

Chúng tôi xin thành-thực cảm ơn các bạn, và vui lòng chú ý đến những điều chỉ-giáo sắc-dáng để sửa đổi dần dần cho tờ báo mãi mãi là vật thân yêu và xứng đáng lòng tin cậy của các bạn.

Cùng ông Xuân Hòa Gia-định.— Đã nhận được bài của ông, nhưng theo ý tòa soạn ông nên gửi đăng bài đó ngay vào báo T. N. thì đúng lý hơn.

Cùng ông Hồ quang Tham Boneng. — Rất cảm động về những lời ông chúc mừng và khuyến khích.

Cùng các bạn gửi bài. — Vì công việc bận bịu, xin các bạn miễn cho sự giả nhời riêng và việc gửi lại giả bản thảo.

TÒA SOẠN THANH-NGHI

Cùng bạn Lê Nguyên Phái, Qui nhơn.— Được thư của bạn, rất phấn-khởi và sẽ luôn luôn cố gắng để tạ lòng bạn.

Đ. D.

TỦ SÁCH « TÂN VĂN HÓA »

ĐI CỎ BÌNH

LY THUONG KIET

bắc phạt giá 2\$00

Một phương pháp nghiên cứu danh nhân lịch sử khác hẳn các phương-pháp nghiên cứu từ trước đến giờ ở xứ ta.

SẮP CÓ BÁN

KINH TẾ HỌC

phổ thông

Của NGUYỄN HẢI ÂU

≡ HAN THUYỀN ≡
71, Tiên-Tsin — HANOI

THANH NIEN

— TUAN BAO RA NGAY THU' BAY —

Xuất bản ở thủ đô miền Nam nước Việt là một cuộc chung sức của tất cả các bạn làng văn Bắc, Trung, Nam.

THANH NIEN: to bao hop nhât

Thư từ và ngân phiếu gửi cho :

ông HUỖNH TẦN PHAT
70, Đường Mayer, SAIGON

GIÁ BÁO: mỗi số 0\$30 — 3 tháng 3\$50 — một năm 14\$00
Giá ủng hộ 20\$00

MỘT QUYỀN SÁCH LÀM CHẤM ĐỘNG DƯ LUẬN

Lịch sử
DẠO THIÊN CHÚA
ở Việt nam

Xuất bản dưới quyền duyệt-chính của cha L. Cadière và cụ Ứng Hòe

Tựa của đức Khâm-Mạng tòa Thánh ở Đông-dương

Bản viết của
HỒNG LAM

Chủ giải của
cha L. CADIÈRE

Đã có bán khắp các hiệu sách lớn và ở :

Dai-việt thiên ban

50 bis, Avenue Khải-Định — HUẾ

— Mua sách xin gửi 8\$00 tiền sách và 1\$20 tiền gửi và tiền gói —

MỜI XUẤT BẢN

Le Capitaine DO HUU VI

PAR S. E. PHẠM - QUỲNH

MINISTRE DE L'INTÉRIEUR

Một cuốn sách hay của thư-xã Alexandre de Rhodes, dày 50 trang, khổ 12×18, có ba bức-ảnh và bản dịch của NGUYỄN TIẾN LÃNG. Pháp-văn và Việt-văn đối-chiếu.

Một áng văn kiệt-tác của cụ Thượng PHẠM, mà trong thời-buổi này, thanh-niên Nam-Việt ai ai cũng nên ngâm đọc và suy nghĩ.

Bản thường . . . 0\$50

Bản giấy tốt . . . 3, 00

Cước . . . 0, 32

Tổng phát hành ;

MAI LĨNH

21, rue des Pipes, HANOI —

AUTORISÉ PAR ARRÊTÉ DU GOUVERNEUR GÉNÉRAL du 1er MAI 1939 N° 3089

Directeur gérant : VŨ ĐÌNH HÒE .— Fondateur : DOẢN KẾ THIÊN — Imp. spéciale du THANH-NGHỊ